

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 29 tháng 3 năm 2019

QUY CHẾ ĐẠI HỘI
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ

Để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ tiến hành có trật tự, có kỷ luật, theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, Chủ tọa đoàn báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về quy chế Đại hội, như sau:

I. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc chung

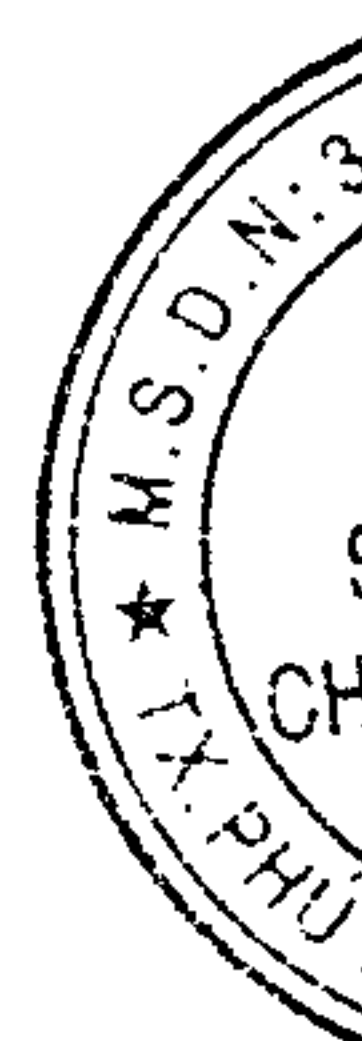
- Mọi cổ đông được bảo đảm quyền biểu quyết;
- Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) để thực hiện quyền biểu quyết. Người được ủy quyền không được ủy quyền tiếp cho người khác dự ĐHĐCĐ;
- Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông. Tùy theo tính chất của các vấn đề cần biểu quyết, ý kiến biểu quyết được thực hiện bằng phiếu biểu quyết. Phiếu biểu quyết được phát cho mỗi cổ đông tham dự Đại hội;
- Trong thời gian tiến hành Đại hội, người tham dự Đại hội phải tuân theo sự điều hành của Chủ tọa đoàn, giữ trật tự, không làm việc riêng, không điện thoại trong phòng họp và để điện thoại ở chế độ im lặng.

2. Cách biểu quyết

Cổ đông sẽ biểu quyết các vấn đề bằng phiếu biểu quyết.

3. Phiếu biểu quyết

Mỗi cổ đông nhận 2 loại phiếu biểu quyết: một thẻ biểu quyết và một phiếu biểu quyết có in đầy đủ họ và tên cổ đông, người đại diện, người được ủy quyền, số lượng cổ phần đại diện, số lượng cổ phần ủy quyền. Việc biểu quyết bằng thẻ biểu quyết hay bằng phiếu biểu quyết sẽ tùy từng vấn đề cần lấy ý kiến do Chủ tọa đoàn quyết định phù hợp với Điều lệ và các quy định của pháp luật.



4. Điều kiện thông qua nghị quyết

Phù hợp với quy định hiện hành, ngoại trừ quy định liên quan đến bầu cử (nếu có) tất cả các vấn đề còn lại theo chương trình nghị sự được nêu ra tại ĐHĐCĐ sẽ trở thành nghị quyết khi có số đại biểu cổ đông và những người được ủy quyền đại diện ít nhất 65% số cổ phần tham dự có quyền biểu quyết đồng ý. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 20 và khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.

II. TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

1. Điều kiện tiến hành Đại hội

Đại hội tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Cách thức tiến hành Đại hội

- Đại hội sẽ thảo luận và thông qua các nội dung chính trong chương trình Đại hội;
- Đại hội sẽ được tổ chức trong một buổi.

3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

- Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật;
- Được ủy quyền cho người khác thay mặt mình tham dự biểu quyết tại Đại hội. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty và không được ủy quyền lại cho người thứ ba. Việc ủy quyền phải được thực hiện theo đúng những quy định sau:
 - + Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải là văn bản gốc có đầy đủ chữ ký của người ủy quyền và người nhận ủy quyền. Mỗi cổ đông cá nhân chỉ được ủy quyền một lần với số lượng cổ phần ủy quyền bằng tổng số cổ phần do cổ đông cá nhân đó nắm giữ;
 - + Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó;
- Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tham dự Đại hội cổ đông phải mang theo giấy tờ tùy thân (CMND hoặc Hộ chiếu), Thư mời tham dự và giấy uỷ quyền tham dự Đại hội (nếu có) để đăng ký với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.
- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội nhưng Đoàn chủ tịch không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ

0174
CÔNG
CỔ PH
ÁN XL
BIÊN
PHÚ
T. E

đồng đó đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng;

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc của ĐHCĐ. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể, Đoàn chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo điểm b, khoản 7, Điều 142 Luật doanh nghiệp 2014.

4. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông khi muốn phát biểu cần đăng ký trước. Để đăng ký phát biểu hoặc yêu cầu giải đáp thắc mắc, cổ đông ghi tóm tắt nội dung phát biểu vào “*Phiếu ghi ý kiến đóng góp*” và gửi lại Ban thư ký để tập hợp và chuyển cho Chủ tọa đoàn. Chủ tọa đoàn xem xét tính phù hợp của nội dung phát biểu trước Đại hội, đồng thời giải đáp những ý kiến của cổ đông.

5. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết:

- Khi đăng ký tham dự Đại hội, Ban tổ chức sẽ cấp cho mỗi cổ đông/đại diện cổ đông có quyền biểu quyết thẻ biểu quyết. Thẻ biểu quyết có ghi tên cổ đông, mã số cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu và được uỷ quyền) của cổ đông đó;
- Cổ đông biểu quyết từng vấn đề cần biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết, mặt trước của thẻ biểu quyết phải được hướng về phía Chủ tọa đoàn. Đối với từng vấn đề biểu quyết, cổ đông sẽ cho ý kiến “đồng ý”, “không đồng ý” hoặc “không có ý kiến”.

Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết:

- Khi đăng ký tham dự Đại hội, Ban tổ chức sẽ cấp cho mỗi cổ đông/đại diện cổ đông có quyền biểu quyết phiếu biểu quyết với các nội dung cần biểu quyết. Trên Phiếu biểu quyết có ghi các thông tin: Họ và tên cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD, các vấn đề được biểu quyết tại Đại hội;
- Cổ đông đánh dấu chọn ý kiến của mình vào phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu chọn một trong ba cột “Đồng ý”, “Không đồng ý”, “Ý kiến khác” đối với mỗi nội dung cần biểu quyết và bỏ vào thùng phiếu;
- Phiếu biểu quyết do Ban tổ chức phát hành có đóng dấu của Công ty. Nếu cần thay đổi do nhầm lẫn thì người biểu quyết phải báo Ban kiểm phiếu xin đổi phiếu biểu quyết;
- Các phiếu biểu quyết có một trong những yếu tố sau đây là không hợp lệ:
 - + Phiếu không phải do Ban tổ chức phát hành theo mẫu quy định;

- + Phiếu không điền vào ô nào hoặc điền vào 2 ô trở lên;
- + Phiếu tẩy xóa, sửa chữa các ký hiệu điền trong ô;
- + Phiếu điền hoặc viết, vẽ ngoài ô quy định;
- + Phiếu rách rời, không còn nguyên vẹn các ô để điền hoặc không còn đủ các thông tin phục vụ cho kiểm soát và kiểm phiếu.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA ĐOÀN

- Điều khiển Đại hội theo chương trình, nguyên tắc và thể lệ đã được Đại hội thông qua;
- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, biểu quyết các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong quá trình Đại hội;
- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội;
- Giải đáp ý kiến đóng góp cho cổ đông thông qua “*Phiếu ghi ý kiến đóng góp.*”

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ

- Ghi biên bản Đại hội và soạn thảo biên bản được thông qua tại Đại hội;
- Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Tập hợp từ “*Phiếu ghi ý kiến đóng góp*” của cổ đông những ý kiến có nội dung đóng góp ý kiến phù hợp để Chủ tọa đoàn giải đáp.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

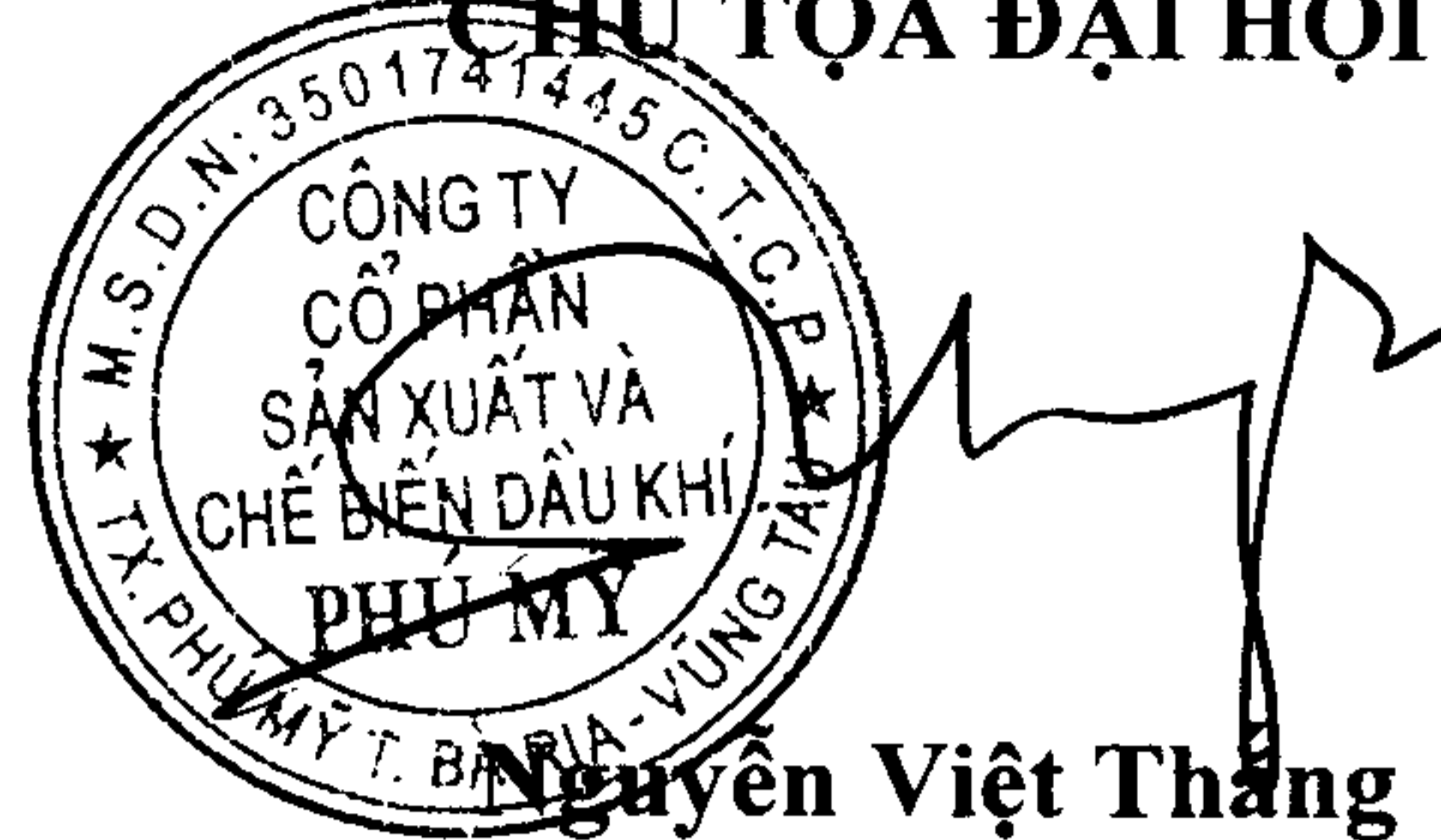
- Số lượng về nhân sự của Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội do Ban tổ chức xác định;
- Ban kiểm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm tiếp nhận giấy tờ của cổ đông tới tham dự Đại hội, phát các tài liệu và phiếu biểu quyết cho các cổ đông tham dự;
- Trường hợp người tham dự Đại hội không có đầy đủ tư cách tham dự thì có quyền từ chối cho vào, cấp phiếu biểu quyết hoặc phát tài liệu của Đại hội;
- Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU


- Kiểm phiếu bầu cử, thẻ biểu quyết, giải quyết các thắc mắc của cổ đông về biểu quyết;
- Lập biên bản về kết quả kiểm phiếu có chữ ký của tất cả thành viên Ban kiểm phiếu và của đại diện cổ đông giám sát việc kiểm phiếu;
- Công bố ngay kết quả kiểm phiếu biểu quyết trước Đại hội và giao toàn bộ tài liệu cho Chủ tọa đoàn.

Nguyên tắc và thể lệ này được đọc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ và được thông qua khi có sự chấp thuận của ít nhất 65% tổng số biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận.

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Nguyễn Việt Thắng



BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HĐQT NĂM 2018
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ

Hội đồng quản trị (HĐQT) báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2018 và kế hoạch năm 2019 của Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ (PVOIL Phú Mỹ), như sau:

1. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Năm 2018 tình hình chung của thị trường kinh doanh xăng dầu vẫn chưa hết khó khăn, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Dầu Việt Nam – PVOIL (Cổ đông lớn của Công ty) vẫn phụ thuộc rất lớn vào sự quản lý, điều hành của Nhà nước. PVOIL Phú Mỹ vẫn tiếp tục phụ thuộc hoàn toàn vào chính sách, cơ chế và nguồn nguyên liệu của PVOIL. Việc mua nguồn nguyên liệu condensate từ PVGAS và các nguồn khác đảm bảo cho hoạt động sản xuất của PVOIL cũng gặp rất nhiều khó khăn.

Nhận thức được tình hình chung của thị trường cũng như tình hình thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị luôn bám sát việc thực hiện những nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông năm 2018 đã thông qua tại Nghị quyết số 22/NQ-DKPM-DHĐCĐ ngày 28/6/2018.

2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

2.1. Đánh giá thực hiện trách nhiệm của hội đồng quản trị

Thực hiện nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao phó, HĐQT đã chủ động giám sát, hỗ trợ, phối hợp cùng Ban Giám đốc triển khai các nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ giao tuân thủ theo chuẩn mực quản trị của công ty cổ phần. HĐQT được tổ chức họp định kỳ cùng Ban điều hành Công ty ra quyết định trên cơ sở ý kiến tập thể với sự đồng thuận cao, đồng thời phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn để giám sát. Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD, thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT, trực tiếp



chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành SXKD của Công ty.

Hội đồng quản trị đã tổ chức họp định kỳ 01 quý/lần và lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để quyết định các nội dung chủ yếu thuộc chức trách, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị để chỉ đạo, quản lý, giám sát các hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ công tác công bố, cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như phúc đáp kịp thời các ý kiến, yêu cầu của Cổ đông.

Các phiên họp của HĐQT đảm bảo đúng các quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã được các thành viên dự họp thống nhất thông qua.

2.2. Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018

Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị chỉ đạo và thực hiện đầy đủ nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, cụ thể như sau:

- Hoàn thành các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018;
- Phối hợp thường xuyên cùng Ban kiểm soát thực hiện công tác giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Phân chia lợi nhuận theo đúng Nghị quyết số 22/NQ-DKPM-ĐHĐCĐ ngày 28/6/2018 của ĐHĐCĐ năm 2018;
- Hoàn thành công tác thanh quyết toán thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát;
- Lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam và hoàn thành việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018;
- Hoàn tất các thủ tục thay đổi nhân sự của HĐQT và Ban Giám đốc như: Ông Nguyễn Trí Dũng thôi tham gia HĐQT và thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT PVOIL Phú Mỹ. Bầu bổ sung ông Nguyễn Việt Thắng, Ủy viên HĐQT PVOIL Phú Mỹ giữ chức Chủ tịch HĐQT. Ông Nguyễn Trọng Quyết thôi giữ chức thành viên HĐQT và thôi giữ chức Giám đốc điều hành PVOIL Phú Mỹ từ ngày 07/11/2018 để nghỉ hưu từ ngày 01/12/2018. Giao cho ông Nguyễn Kim Ngọc – Phó Giám đốc PVOIL Phú Mỹ giữ chức vụ Phó Giám đốc phụ trách điều hành Công ty từ ngày 07/11/2018.

3. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC

3.1. Về công tác điều hành sản xuất kinh doanh

- Ban Giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị về cơ bản phù hợp với định hướng, đạt vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.
- Quản lý tốt các hoạt động sản xuất, vận hành nhà máy an toàn, ổn định, không để xảy ra thiệt hại về mặt vật chất, sai phạm trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ khi vận hành, sản xuất;
- Hệ thống quản lý tích hợp theo ISO 9001:2008; ISO/TS 29001:2010; OHSAS 18001:2007; ISO 14001:2010 của Công ty đã hoàn thiện.
- Các hoạt động đánh giá chất lượng sản phẩm được thực hiện thường xuyên tại Công ty đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam;

3.2. Về chính sách đối với Người lao động

- Quyền lợi của Người lao động tại Công ty được đảm bảo phù hợp quy chế trả lương, trả thưởng theo chức danh công việc;
- Tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước về chính sách đối với Người lao động.

4. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2018

4.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

Trong năm 2018, Công ty đã đạt được kết quả với một số chỉ tiêu cơ bản, như sau:

TT	Chỉ Tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH (%)
1	Sản lượng sản xuất	m³	417,200	337,128	80.8%
1.1	<i>Sản lượng Dinh Cốt</i>	-	22,000	15,178	69.0%
1.2	<i>Sản lượng chạy tháp</i>	-	74,400	65,567	88.1%
1.3	<i>Sản lượng pha chế</i>	-	320,800	256,383	79.9%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	78.200	132.404	169.3%
3	Giá vốn	Tỷ đồng	75.800	134.531	177.5%
4	LN gộp	Tỷ đồng	2.400	-2.127	
5	Chi phí quản lý DN	Tỷ đồng	12.200	14.044	115.1%
6	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng			
7	Thu nhập TC	Tỷ đồng	9.000	17.876	198.6%
8	Chi phí tài chính	Tỷ đồng			

9	Thu nhập khác	Tỷ đồng	0.800	0.609	76.1%
10	Chi phí khác	Tỷ đồng	0.000	0.185	
11	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2.000	2.129	106.5%
12	Thuế TNDN	Tỷ đồng	0.400	0.462	115.5%
13	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.600	1.667	104.2%
14	MSTS, duy tu sửa chữa	Tỷ đồng	3.000	1.754	58.5%
15	Lao động bình quân	Người	128	120	94,5%

- Trong năm Công ty đã thực hiện gia công cho PVOIL với tổng sản lượng thực hiện là 337,128 m3 đạt 80.8% kế hoạch, trong đó:

+ **Pha chế xăng A92/E5 và DO:** 256,383 m3 đạt 79.9% kế hoạch năm, trong năm thực hiện pha chế xăng A92/E5/DO ở các địa điểm như Miền Đông, Nhà Bè, Vũng Áng, Đình Vũ, Thái Bình.

+ **Chạy tháp:** 65,567 m3, đạt 88.1% kế hoạch năm (công suất ~ 37% so với thiết kế), số tháng chạy tháp trong năm là 4,5 tháng.

+ **Condensate Dinh Cố:** 15,178 m3, đạt 69% kế hoạch năm.

4.2. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm thiết bị và duy tu sửa chữa

- Trong năm không thực hiện đầu tư dự án, thực hiện mua sắm và sửa chữa theo kế hoạch được duyệt.
- Duy tu sửa chữa định kỳ, mua sắm tài sản theo kế hoạch được duyệt với chi phí thực hiện là 1.7 tỷ đồng đạt 58.5% kế hoạch.

4.3. Công tác tài chính, kế toán

- Thực hiện tốt các quy định, quy chế về công tác tài chính. Đảm bảo các nguyên tắc, chế độ tài chính kế toán hiện hành theo đúng các quy định của Nhà nước.
- Cân đối và sử dụng vốn hiệu quả, không xảy ra tình trạng thất thoát vốn đầu tư.
- Doanh thu thực hiện: 132.4 tỷ đồng đạt 169.3% kế hoạch (doanh thu tăng do thực tế có hạch toán nguyên liệu Phụ gia trong quý I và quý II).
- Lợi nhuận trước thuế: 2.1 tỷ đồng đạt 106.5% so với kế hoạch.

4.4. Công tác tổ chức nhân sự, xây dựng hệ thống quản lý

- Lao động bình quân trong năm là 120 người đạt 94% kế hoạch.

- Thu nhập bình quân từ lương của người lao động là 12.4 triệu đồng/ng/tháng đạt 109% kế hoạch với tổng thu nhập là 14.4 tr đồng/ng/tháng.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho CBCNV (BHYT, BHXH, BHTN,...) theo đúng quy định của pháp luật và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.
- Thực hiện đánh giá giám sát, cập nhật, chuyển đổi Hệ thống quản lý tích hợp “Chất lượng – Môi trường – An toàn” duy trì hiệu lực, nâng cao công tác quản lý điều hành Công ty;

4.5. Công tác khác

4.5.1. Công tác an toàn PCCC

- Trong năm không để xảy ra sự cố mất an toàn, đảm bảo an toàn về người và tài sản.
- Tổ chức cho CBCNV tham gia diễn tập, huấn luyện về an toàn PCCN theo đúng kế hoạch năm.

4.5.2. Tình hình chia cổ tức

- Do tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn phụ thuộc hoàn toàn và việc gia công cho cổ đông lớn PVOIL nên lợi nhuận rất thấp.

4.5.3. Công tác thử nghiệm

- Trong năm thực hiện 448 mẫu thử nghiệm, trong đó thử nghiệm mẫu của Công ty và Tổng công ty là 318 mẫu, khách hàng là 130 mẫu.
- Thực hiện đánh giá giám sát tiêu chuẩn vilas hàng năm theo đúng kế hoạch.

5. NHIỆM VỤ VÀ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2019

5.1. Nhiệm vụ trọng tâm

- Tập trung mọi hoạt động cho 2 lĩnh vực chính là chưng cất và pha chế. Đồng thời, triển khai thực hiện các phương án sản xuất kinh doanh khác theo phương hướng đề ra.
- Nâng cao tinh thần đoàn kết, ổn định tư tưởng tâm lý cho Người lao động cùng Công ty và Tổng công ty vượt qua những khó khăn trong giai đoạn hiện nay;
- Tự tìm phương án giải quyết cho các vấn đề, chủ động linh hoạt trong mọi hoạt động trong quyền hạn được giao;
- Thực hiện cải tiến và tăng cường công tác quản trị, duy trì tính hiệu lực của Hệ thống quản lý tích hợp;

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định, định mức phù hợp với tình hình sản xuất và đúng theo quy định của Pháp luật.
- Chú trọng công tác đào tạo nội bộ, xây dựng đội ngũ CBCNV chuyên nghiệp có thể giải quyết được các vấn đề cần thiết giảm chi phí thuê ngoài.
- Công tác An toàn – PCCN luôn được đặt lên hàng đầu, đảm bảo an toàn cho Người lao động và tài sản trong mọi hoạt động sản xuất.
- Bám sát một số tiêu chí thuộc đề án 808 “Nâng cao chất lượng dịch vụ Kho xăng dầu” theo chương trình hành động của Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP và áp dụng phương pháp 5S sắp xếp, chỉnh đốn lại nơi làm việc trong Công ty.
- Đảm bảo sản xuất: Hợp tác gia công thêm sản phẩm với các đối tác khác ngoài Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP.
- Sản xuất dung môi;
- Đầu tư xây dựng cây xăng;
- Dịch vụ súc rửa bồn bể, bảo trì bảo dưỡng hệ thống van tại các đơn vị thành viên,...;
- Nghiên cứu phát triển tối ưu hóa sản xuất, tiết kiệm nguyên liệu, phát triển nguyên liệu phụ trợ sử dụng điện mặt trời thay thế một phần điện lưới đảm bảo hiệu quả

5.2. Giải pháp sản xuất kinh doanh năm 2019

- Năm 2019 Công ty vẫn tiếp tục thực hiện phương án gia công xăng dầu; Condensate cho PVOIL, sản lượng gia công dự kiến sẽ giảm mạnh so với thực hiện năm 2018 ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và thu nhập của người lao động. Với những thách thức trên, đòi hỏi Ban lãnh đạo Công ty cũng như toàn thể CBCNV trong Công ty phải quyết tâm, cố gắng hơn nữa.
- Để chủ động hơn trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và vượt qua những khó khăn trong giai đoạn hiện nay, ngoài phương án gia công xăng dầu cho PVOIL, Công ty dự định sẽ phát triển thêm một số mảng sản xuất kinh doanh khác dự kiến sẽ triển khai thực hiện trong năm 2019 cụ thể như sau:
 - + Sản xuất Dung Môi với sản lượng dự kiến 6.000 m³;
 - + Thực hiện dịch vụ cho thuê kho, dịch vụ thử nghiệm;
 - + Hợp tác gia công xăng dầu với các đối tác khác ngoài Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP;

+ Thực hiện duy tu sửa chữa cho các kho xăng dầu của Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP;

+ Đầu tư xây dựng cây xăng;

+ Tiếp cận môi trường kinh doanh xăng dầu, hóa chất.

5.3. Chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

- Với tình hình kinh tế, chính sách quản lý của Nhà nước và định hướng hoạt động kinh doanh xăng dầu của Tổng công ty như hiện nay, Công ty đề ra phương hướng kế hoạch cho năm 2019 với chỉ tiêu kế hoạch được xây dựng dựa trên tình hình sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2018, đặc điểm tình hình kinh tế năm 2019 và năng lực sản xuất của Công ty.
- Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 đã được Công ty xây dựng và trình Tổng công ty Dầu Việt Nam xem xét cụ thể như sau:
 - + Chỉ tiêu sản lượng được xây dựng trên tình hình chung của Tổng công ty, và năng lực sản xuất của Công ty;
 - + Chỉ tiêu doanh thu mang tính tương đối dựa trên số liệu kế hoạch do còn phụ thuộc vào tình hình sản xuất trong năm;
 - + Giá vốn được xây dựng phù hợp với quy mô sản xuất, sản lượng kế hoạch xây dựng và theo quy định, định mức chung của Công ty;
 - + Doanh thu tài chính và các thu nhập khác tạm tính như thực hiện năm 2018 và theo kế hoạch dự kiến năm 2019.
- Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019

ST T	Chỉ Tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm
1	Sản lượng sản xuất	M ³	175,190
1.1	Sản lượng Dinh Cố	-	9,500
1.2	Sản lượng chạy tháp	-	43,320
1.3	Sản lượng pha chế	-	122,370
2	Doanh thu	Tỷ đồng	37.116
3	Giá vốn	Tỷ đồng	45.858
4	LN gộp	Tỷ đồng	-8.742

5	Chi phí quản lý DN	Tỷ đồng	13.532
6	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	
7	Thu nhập TC	Tỷ đồng	21.000
8	Chi phí tài chính	Tỷ đồng	
9	Thu nhập khác	Tỷ đồng	1.500
10	Chi phí khác	Tỷ đồng	
11	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0.226
12	Thuế TNDN (20%)	Tỷ đồng	0.045
13	Duy tu sửa chữa, mua sắm tài sản	Tỷ đồng	2.500
14	Lao động bình quân	Người	119

6. ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH 2019

Năm 2019, dự kiến nguồn nguyên liệu của PVOIL để thực hiện công tác sản xuất pha chế xăng sẽ tiếp tục khó khăn khi chưa có kế hoạch dài hạn với đối tác cung cấp. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị tin tưởng sẽ cùng với Ban điều hành và tập thể CBNV nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành Công ty, để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ ĐHCĐ giao năm 2019.

Trong tình hình rất khó khăn năm 2018, Hội đồng quản trị ghi nhận sự nỗ lực của Ban Giám đốc và toàn thể CBNV Công ty PVOIL Phú Mỹ đã cố gắng bảo toàn tài sản, giữ ổn định, đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

HĐQT thay mặt toàn bộ tập thể người lao động Công ty PVOIL Phú Mỹ xin cảm ơn sự tin tưởng, hỗ trợ của các Quý vị cổ đông, cũng như sự đoàn kết của tập thể Người lao động đưa Công ty vượt qua khó khăn, thách thức để hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đề ra.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Việt Thắng

Số: 02/BC-KTKH

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 15 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO
Về việc thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018,
kế hoạch năm 2019
Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ

Kính gửi: Hội đồng quản trị

Căn cứ Giấy phép kinh doanh số 3501741445 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu lần 3 ngày 27/12/2018;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ được Cổ đông sáng lập Công ty thông qua ngày 11/4/2016;

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 đã được Đại Hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt và Tổng công ty Dầu Việt Nam chấp thuận;

Căn cứ tình hình sản xuất thực tế năm 2018, phương hướng; kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Công ty;

Căn cứ vào tình hình kinh tế, chính sách quản lý của Nhà nước trong sản xuất và kinh doanh xăng dầu;

Căn cứ vào Quyết định số 85/QĐ-DVN ngày 20/01/2017 của Tổng công ty Dầu Việt Nam về việc chấp thuận kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ;

Căn cứ vào tình hình sản xuất thực tế và những định hướng, thay đổi trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong quý I/2019;

Căn cứ vào Công văn số 77/DKPM-KTKH ngày 22/02/2019 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ,

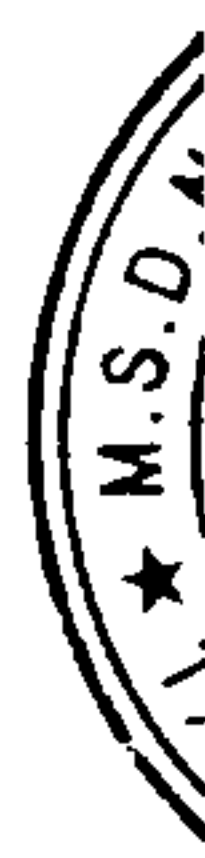
Ban Giám đốc Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và phương hướng năm 2019 của Công ty như sau:

A. THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2018

I. Đặc điểm tình hình

1. Thuận lợi

- Được sự hỗ trợ của Tổng công ty trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đặc biệt là công tác pha chế xăng dầu tại các kho được thuận lợi;
- Hệ thống quản lý tích hợp của Công ty được duy trì hiệu lực, nâng cao năng lực quản lý điều hành Công ty.



- Công ty đã có Phòng hóa nghiệm đạt chuẩn Vilas, thực hiện đánh giá chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn;
- Đội ngũ CBCVN đủ năng lực; trình độ đáp ứng công việc được giao và những thay đổi trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Khó khăn

- Nền kinh tế trong nước đã hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới nên chịu sự ảnh hưởng chung. Tổng công ty cũng như Phú Mỹ đang từng bước phải thay đổi để bắt kịp với những thay đổi của nền kinh tế;
 - Năm 2018 là năm thị trường dầu mỏ vẫn còn nhiều biến động mặc dù thời kỳ dư cung đã kết thúc, cùng với những biến động của xăng dầu thế giới, tình hình kinh tế trong nước ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và hoạt động pha chế sản xuất của Công ty.
 - Năm 2018 PV Gas thay đổi phương thức bán Condensate Dinh cố từ phương thức PVOIL bao tiêu sang phương thức đấu thầu và giá Condensate trong nước có thời điểm bằng giá xăng A92 trên thị trường Thế giới.
 - Công ty phải thực hiện pha chế xăng dầu ở nhiều địa điểm khác nhau, cách xa Nhà máy sản xuất của Công ty nên việc quản lý chất lượng hàng hóa pha chế cũng gặp rất nhiều khó khăn;
 - Năm 2018 là năm đầu tiên Tổng công ty thực hiện sản kinh doanh xăng E5-Ron92 thay thế cho xăng A92 theo qui định của Nhà nước nên vẫn còn rất nhiều khó khăn. Đồng thời, sản lượng Condensate Dinh Cố và pha chế xăng trong năm giảm mạnh ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất của Công ty.
- *Mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm gặp nhiều khó khăn, nhưng dưới sự đồng lòng; quyết tâm cao của Ban lãnh đạo và sự cố gắng của toàn thể CBCNV, Công ty đã thực hiện tốt một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 cụ thể như sau:*

II. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018

TT	Chỉ Tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH (%)
1	Sản lượng sản xuất	m ³	417,200	337,128	80.8%
1.1	Sản lượng Dinh Cố	-	22,000	15,178	69.0%
1.2	Sản lượng chạy tháp	-	74,400	65,567	88.1%
1.3	Sản lượng pha chế	-	320,800	256,383	79.9%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	78.200	132.404	169.3%
3	Giá vốn	Tỷ đồng	75.800	134.531	177.5%
4	LN gộp	Tỷ đồng	2.400	-2.127	
5	Chi phí quản lý DN	Tỷ đồng	12.200	14.044	115.1%
6	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng			
7	Thu nhập TC	Tỷ đồng	9.000	17.876	198.6%

8	Chi phí tài chính	Tỷ đồng			
9	Thu nhập khác	Tỷ đồng	0.800	0.609	76.1%
10	Chi phí khác	Tỷ đồng	0.000	0.185	
11	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2.000	2.129	106.5%
12	Thuế TNDN	Tỷ đồng	0.400	0.462	115.5%
13	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.600	1.667	104.2%
14	MSTS, duy tu sửa chữa	Tỷ đồng	3.000	1.754	58.5%
15	Lao động bình quân	Người	128	120	94,5%

1. Công tác sản xuất

- Trong năm Công ty đã thực hiện gia công cho Tổng công ty với tổng sản lượng thực hiện là 337,128 m³ đạt 80.8% kế hoạch, trong đó:
 - + *Pha chế xăng A92/E5 và DO: 256,383 m³ đạt 79.9% kế hoạch năm, trong năm thực hiện pha chế xăng A92/E5/DO ở các địa điểm như Miền Đông, Nhà Bè, Vũng Áng, Đình Vũ, Thái Bình.*
 - + *Chạy tháp: 65,567 m³, đạt 88.1% kế hoạch năm (công suất ~ 37% so với thiết kế), số tháng chạy tháp trong năm là 4,5 tháng.*
 - + *Condensate Dinh Cốt: 15,178 m³, đạt 69% kế hoạch năm.*

2. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm thiết bị và duy tu sửa chữa

- Trong năm không thực hiện đầu tư dự án, thực hiện mua sắm và sửa chữa theo kế hoạch được duyệt.
- Duy tu sửa chữa định kỳ, mua sắm tài sản theo kế hoạch được duyệt với chi phí thực hiện là 1.7 tỷ đồng đạt 58.5% kế hoạch.

3. Công tác tài chính

- Thực hiện tốt các quy định, quy chế về công tác tài chính. Đảm bảo các nguyên tắc, chế độ tài chính kế toán hiện hành theo đúng các quy định của Nhà nước.
- Cân đối và sử dụng vốn hiệu quả, không xảy ra tình trạng thất thoát vốn đầu tư.
- Doanh thu thực hiện: 132.4 tỷ đồng đạt 169.3% kế hoạch (doanh thu tăng do thực tế có hạch toán nguyên liệu Phụ gia trong quý I và quý II).
- Lợi nhuận trước thuế: 2.1 tỷ đồng đạt 106.5% so với kế hoạch.

4. Công tác tổ chức nhân sự, xây dựng hệ thống quản lý

- Lao động bình quân trong năm là 120 người đạt 94% kế hoạch.
- Thu nhập bình quân từ lương của người lao động là 12.4 triệu đồng/ng/tháng đạt 109% kế hoạch với tổng thu nhập là 14.4 tr đồng/ng/tháng.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho CBCNV (BHYT, BHXH, BHTN,...) theo đúng quy định của pháp luật và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

- Thực hiện đánh giá giám sát, cập nhật, chuyển đổi Hệ thống quản lý tích hợp “Chất lượng – Môi trường – An toàn” duy trì hiệu lực, nâng cao công tác quản lý điều hành Công ty.

5. Công tác An toàn PCCN

- Trong năm không để xảy ra sự cố mất an toàn, đảm bảo an toàn về người và tài sản.
- Tổ chức cho CBCNV tham gia diễn tập, huấn luyện về an toàn PCCN theo đúng kế hoạch năm.

6. Công tác thử nghiệm

- Trong năm thực hiện 448 mẫu thử nghiệm, trong đó thử nghiệm mẫu của Công ty và Tổng công ty là 318 mẫu, khách hàng là 130 mẫu.
- Thực hiện đánh giá giám sát tiêu chuẩn vilas hàng năm theo đúng kế hoạch.

III. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018

- Năm 2018 là năm rất khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhưng với sự đồng lòng, quyết tâm của toàn thể CBCNV Công ty và sự hỗ trợ của Tổng công ty, Công ty đã hoàn thành một số nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018 với những kết quả như sau:
 - + Công tác quản lý chất lượng, hao hụt trong năm thực hiện tốt. Hàng hóa đảm bảo chất lượng theo đúng tiêu chuẩn, hao hụt thực hiện tại các công đoạn thấp hơn so với định mức;
 - + Doanh thu trong năm vượt 69.3% so với kế hoạch, lợi nhuận trước thuế vượt 6.5% so với kế hoạch năm.
 - + Trong năm thực hiện đánh giá giám sát, cập nhật, chuyển đổi Hệ thống quản lý tích hợp (Chất lượng – Môi trường – An toàn) theo đúng qui trình, duy trì tính hiệu lực.
 - + Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách, lương thưởng cho người lao động, đảm bảo thu nhập cho người lao động và xây dựng lương đóng BHXH cho người lao động theo quy định mới của BLĐTBXH năm 2018.
 - + Công tác an toàn được thực hiện tốt, không có bất kỳ sự cố mất an toàn nào xảy ra trong năm, đảm bảo an toàn người và tài sản.

B. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

1. Phương hướng

- Năm 2019 Công ty vẫn tiếp tục thực hiện phương án gia công xăng dầu; Condensate cho Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP, sản lượng gia công dự kiến sẽ giảm mạnh so với thực hiện năm 2018 ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và thu nhập của người lao động. Với những thách thức trên, đòi hỏi Ban lãnh đạo Công ty cũng như toàn thể CBCNV trong Công ty phải quyết tâm, cố gắng hơn nữa.
- Đề chủ động hơn trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và vượt qua những khó khăn trong giai đoạn hiện nay ngoài phương án gia công xăng dầu cho Tổng công ty Dầu Việt Nam Công ty dự định sẽ phát triển thêm một số mảng

sản xuất kinh doanh khác dự kiến sẽ triển khai thực hiện trong năm 2019 cụ thể như sau:

- + Sản xuất Dung Môi với sản lượng dự kiến 6.000 m³;
- + Thực hiện dịch vụ cho thuê kho, dịch vụ thử nghiệm;
- + Hợp tác gia công xăng dầu với các đối tác khác ngoài Tổng công ty Dầu Việt Nam;
- + Thực hiện duy tu sửa chữa cho các kho xăng dầu của Tổng công ty Dầu Việt Nam;
- + Đầu tư xây dựng cây xăng;
- + Tiếp cận môi trường kinh doanh xăng dầu, hóa chất.

2. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2019

- Tập trung mọi hoạt động cho 2 lĩnh vực chính là chưng cất và pha chế. Đồng thời, triển khai thực hiện các phương án sản xuất kinh doanh khác theo phương hướng đề ra.
- Nâng cao tinh thần đoàn kết, ổn định tư tưởng; tâm lý cho người lao động cùng Công ty và Tổng công ty vượt qua những khó khăn trong giai đoạn hiện nay;
- Tự tìm phương án giải quyết cho các vấn đề, chủ động linh hoạt trong mọi hoạt động trong quyền hạn được giao;
- Thực hiện cải tiến và tăng cường công tác quản trị, duy trì tính hiệu lực của Hệ thống quản lý tích hợp;
- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định, định mức phù hợp với tình hình sản xuất và đúng theo quy định của Pháp luật.
- Chú trọng công tác đào tạo nội bộ, xây dựng đội ngũ CBCNV chuyên nghiệp có thể giải quyết được các vấn đề cần thiết giảm chi phí thuê ngoài.
- Công tác An toàn – PCCN luôn được đặt lên hàng đầu, đảm bảo an toàn cho người lao động và tài sản trong mọi hoạt động sản xuất.
- Thực hiện đề án 808 “Nâng cao chất lượng dịch vụ Kho xăng dầu” theo chương trình hành động của Tổng công ty Dầu Việt Nam và áp dụng phương pháp 5S sắp xếp, chỉnh đốn lại nơi làm việc trong Công ty.

3. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019

- Với tình hình kinh tế, chính sách quản lý của Nhà nước và định hướng hoạt động kinh doanh xăng dầu của Tổng công ty như hiện nay, Công ty đề ra phương hướng kế hoạch cho năm 2019 với chỉ tiêu kế hoạch được xây dựng dựa trên tình hình sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2018, đặc điểm tình hình kinh tế năm 2019 và năng lực sản xuất của Công ty.
- Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 đã được Công ty xây dựng và trình Tổng công ty Dầu Việt Nam xem xét cụ thể như sau:
 - + Chỉ tiêu sản lượng được xây dựng trên tình hình chung của Tổng công ty, và năng lực sản xuất của Công ty;

5C
VÀ
AU K
MỸ
RIA

- + Chỉ tiêu doanh thu mang tính tương đối dựa trên số liệu kế hoạch do còn phụ thuộc vào tình hình sản xuất trong năm;
- + Giá vốn được xây dựng phù hợp với quy mô sản xuất, sản lượng kế hoạch xây dựng và theo quy định, định mức chung của Công ty;
- + Doanh thu tài chính và các thu nhập khác tạm tính như thực hiện năm 2018 và theo kế hoạch dự kiến năm 2019.

*** Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019**

ST T	Chỉ Tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm
1	Sản lượng sản xuất	M³	175,190
1.1	Sản lượng Dinh Cố	-	9,500
1.2	Sản lượng chạy tháp	-	43,320
1.3	Sản lượng pha chế	-	122,370
2	Doanh thu	Tỷ đồng	37.116
3	Giá vốn	Tỷ đồng	45.858
4	LN gộp	Tỷ đồng	-8.742
5	Chi phí quản lý DN	Tỷ đồng	13.532
6	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	
7	Thu nhập TC	Tỷ đồng	21.000
8	Chi phí tài chính	Tỷ đồng	
9	Thu nhập khác	Tỷ đồng	1.500
10	Chi phí khác	Tỷ đồng	
11	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0.226
12	Thuế TNDN (20%)	Tỷ đồng	0.045
13	Duy tu sửa chữa, mua sắm tài sản	Tỷ đồng	2.500
14	Lao động bình quân	Người	119

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- KSV (để biết);
- Lưu: VT, KTKH, ĐTTM (01b).

PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



Nguyễn Kim Ngọc



BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sản xuất
và Chế biến dầu khí Phú Mỹ

Căn cứ Điều lệ sửa đổi và bổ sung theo Nghị quyết số 59/NQ-DKPM-ĐHĐCĐ ngày 17/12/2018 của HĐQT Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ (PVOIL Phú Mỹ);

Căn cứ chức năng nhiệm vụ Ban kiểm soát được quy định tại điều 123 Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005, điều 168 Luật doanh nghiệp mới số 68/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán;

Ban kiểm soát (BKS) Công ty PVOIL Phú Mỹ báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động năm 2018 bao gồm 3 nội dung chính như sau:

1. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018;
2. Kết quả giám sát các mặt hoạt động năm 2018;
3. Kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ban kiểm soát.

I. Tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018

Ban kiểm soát Công ty gồm có 3 thành viên:

1. Ông Nguyễn Văn Tiến - Trưởng ban kiểm soát (chuyên trách);
2. Ông Nguyễn Anh Dũng - Thành viên (không chuyên trách) ;
3. Bà Hoàng Thị Thu - Thành viên (không chuyên trách)

Trong năm 2018, Ban kiểm soát tập trung thực hiện kiểm soát theo các nội dung chính, bao gồm:

- Giám sát hoạt động và việc tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ hoạt động đối với Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban giám đốc, Người quản lý khác trong việc điều hành quản lý Công ty;
- Xem xét tính tuân thủ, tính phù hợp của các nghị quyết, quyết định của Tổng công ty, của HĐQT Công ty, việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), các quy chế, quy định, quyết định của HĐQT, của Ban giám đốc Công ty;

- Năm 2018 tham gia lựa chọn công ty kiểm toán độc lập là Công ty TNHH kiểm toán Deloitte Việt Nam theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Thực hiện kiểm tra báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty;
- Tham gia rà soát kiểm tra tính tuân thủ quy chế quy định các quy trình đấu thầu mua sắm trang thiết bị, tài sản...
- Tham gia tất cả các cuộc họp và giao ban của Ban giám đốc, ban điều hành và HĐQT Công ty;
- Ban kiểm soát đã tham gia hỗ trợ, tư vấn cho HĐQT và Ban giám đốc Công ty trong việc điều hành hoạt động Công ty như: Hoàn thiện các quy định, quy chế và Điều lệ hoạt động của Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Các công việc khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

II. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng thành viên Ban kiểm soát trong năm 2018

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên và phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty, cụ thể:

1. Ông Nguyễn Văn Tiến - Trưởng ban kiểm soát: Chịu trách nhiệm chung về việc giám sát các mặt hoạt động của Công ty;

2. Ông Nguyễn Anh Dũng - Thành viên: Chịu trách nhiệm hỗ trợ cho Ban kiểm soát các công việc sau:

- Hỗ trợ Trưởng ban kiểm soát trong việc giám sát việc thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông ;
- Xem xét kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm.
- Hỗ trợ Trưởng ban kiểm soát trong việc thẩm tra các báo cáo tài chính quý, giữa niên độ và năm.

3. Bà Hoàng Thị Thu - Thành viên: Chịu trách nhiệm hỗ trợ Ban kiểm soát các công việc sau:

- Giám sát việc thực hiện các quy định pháp luật, nội quy, quy định của Công ty đối với tất cả cán bộ, nhân viên của Công ty ;
- Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong năm;
- Hỗ trợ Trưởng ban kiểm soát trong việc xem xét, kiểm tra công tác ký kết thực hiện các hợp đồng kinh tế.

Trong năm 2018 Ban kiểm soát Công ty đã tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Các thành viên đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty. Mỗi thành

viên được phân công chuyên trách một lĩnh vực có trách nhiệm giúp Trưởng ban kiểm soát tham mưu cho HĐQT, Ban Giám đốc về lĩnh vực được phân công. Hàng tháng, quý đều có văn bản báo cáo tình hình, kết quả kiểm soát về các mặt hoạt động của Công ty.

III. Giám sát các mặt hoạt động năm 2018

1. Về tổ chức bộ máy

Trong năm 2018, Công ty có sự thay đổi về nhân sự HĐQT và Ban Điều hành như sau :

Thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị:

Căn cứ Thông báo số 1985/DVN-TCNS ngày 1/11/2018 của Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) về việc thay đổi Người đại diện PVOIL tham gia HĐQT PVOIL Phú Mỹ và Nghị quyết số 51/NQ-DKPM-ĐHĐCĐ ngày 06/11/2018 của ĐHĐCĐ PVOIL Phú Mỹ về việc phê chuẩn nhân sự HĐQT như sau :

Ông Nguyễn Trí Dũng thôi tham gia HĐQT và thôi giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT PVOIL Phú Mỹ. Bầu bổ sung ông Nguyễn Việt Thắng giữ chức vụ Ủy viên HĐQT đại diện 11.319.598 cổ phần, tương đương 22,64% vốn điều lệ PVOIL Phú Mỹ thay thế ông Nguyễn Trí Dũng.

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-DKPM-HĐQT ngày 06/11/2018 của HĐQT PVOIL Phú Mỹ về việc thông qua kết quả bầu Chủ tịch HĐQT công ty:

Thông qua kết quả bầu ông Nguyễn Việt Thắng, Ủy viên HĐQT PVOIL Phú Mỹ giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT công ty kể từ ngày 06/11/2018;

HĐQT công ty có trách nhiệm báo cáo ĐHĐCĐ về việc thay thế và bổ sung nhân sự HĐQT nêu trên tại kỳ họp ĐHĐCĐ 2019.

Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-DKPM-HĐQT ngày 06/11/2018 của HĐQT PVOIL Phú Mỹ và Quyết định số 55/QĐ-DKPM-HĐQT ngày 07/11/2018 của HĐQT PVOIL Phú Mỹ về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí :

Ông Nguyễn Trọng Quyết thôi tham gia HĐQT và thôi giữ chức vụ Thành viên HĐQT PVOIL Phú Mỹ từ ngày 07/11/2018 và nghỉ chế độ hưu trí từ ngày 01/12/2018.

Thay đổi nhân sự Ban Điều hành:

Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-DKPM-HĐQT ngày 06/11/2018 của HĐQT PVOIL Phú Mỹ, Quyết định số 54/QĐ-DKPM-HĐQT và Quyết định số 56/QĐ-DKPM-HĐQT ngày 07/11/2018 về việc thay đổi nhân sự Ban Điều hành PVOIL Phú Mỹ:

Ông Nguyễn Trọng Quyết thôi giữ chức vụ Giám đốc điều hành PVOIL Phú Mỹ từ ngày 07/11/2018 và nghỉ chế độ hưu trí từ ngày 01/12/2018;

Giao ông Nguyễn Kim Ngọc Phó Giám đốc PVOIL Phú Mỹ giữ chức vụ Phó Giám đốc phụ trách điều hành công ty kể từ ngày 07/11/2018.

2. Về Công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và bộ máy quản lý Công ty

11/2018-0-01/01

biến condensate” và “Mở rộng và sử dụng hiệu quả nguyên liệu cho Nhà máy chế biến condensate”. Ngày 09/9/2016 HĐQT PV Oil Phú Mỹ đã tiến hành thủ tục gửi Tờ trình và phiếu xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc phê duyệt phương án xử lý chi phí đầu tư dở dang 02 Dự án kể trên. Cụ thể như sau :

- Kết chuyển 27,343 tỷ chi phí đã đầu tư không thể thu hồi trong tổng chi phí xây dựng cơ bản dở dang 41,624 tỷ vào khoản chi phí bất thường trong năm tài chính hiện hành;
- Khoản chi phí 14,281 tỷ đã đầu tư có thể thu hồi và tận dụng, PVOIL đang đánh giá và sẽ xem xét về việc có thể hợp tác với PVOIL Phú Mỹ trong dự án “Mở rộng Nhà máy Chế biến Condensate tại Khu công nghiệp Cái Mép phân kỳ I”.

Việc phát sinh 27,343 tỷ đồng chi phí do kết chuyển chi phí xây dựng cơ bản dở dang có thể gây lỗ cho PVOIL Phú Mỹ cho năm tài chính được kết chuyển. Tuy nhiên, lợi nhuận chưa phân phối của PVOIL Phú Mỹ từ các năm trước đến thời điểm 31/12/2018 là 32y,698 tỷ đồng bao gồm lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước: 31,032 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế trước khi trích các quỹ năm 2018: 1,666 tỷ đồng, hoàn toàn có thể bù đắp khoản lỗ phát sinh. Do vậy, đơn vị vẫn đảm bảo bảo toàn được vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Phương án xử lý chi phí đầu tư Dự án dở dang trong năm 2019:

Căn cứ nội dung tại Thông báo số 134/TB-DVN ngày 05/1/2019 của PVOIL sau cuộc họp giữa đại diện lãnh đạo PVOIL và PVOIL Phú Mỹ ngày 02/1/2019 về hoạt động sản xuất kinh doanh của PVOIL Phú Mỹ như sau:

Chuyển nhượng khu đất 2,8ha và tài sản gắn liền trên đất (Bao gồm các hạng mục XD/CB dở dang của 2 Dự án “Mở rộng kho chứa Nhà máy chế biến condensate” và “Mở rộng và sử dụng hiệu quả nguyên liệu cho Nhà máy chế biến condensate”) cho PV GAS, chuyển nhượng phần vốn của PVOIL ở PVOIL Phú Mỹ cho PV GAS. PVOIL và PVOIL Phú Mỹ phối hợp làm việc với PV GAS để sớm thống nhất chủ trương hợp tác giữa hai bên làm cơ sở triển khai thực hiện.

3.2. Cơ cấu nguồn vốn Công ty

Vốn và cơ cấu vốn của các cổ đông đến ngày 31/12/2017, như sau:

Stt	Tên Cổ đông	Tỷ lệ %	Tổng vốn tham gia (ngàn đồng)	Số vốn đã góp (ngàn đồng)
1	Tổng công ty Dầu Việt Nam	67,64	338.188.000.000	338.188.000.000
2	NH Thương mại TNHH MTV Đại Dương (Ocean bank)	10,40	52.000.000.000	52.000.000.000
3	Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Đông Nam Á (Sea bank)	2,20	11.000.000.000	11.000.000.000
4	Cty CP Quản lý quỹ Ngân hàng	0,42	2.100.000.000	2.100.000.000

	Thương Mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam			
5	Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim)	2,00	10.000.000.000	10.000.000.000
6	Tổng Công ty công nghiệp ô tô Việt Nam - CTCP	1,80	9.000.000.000	9.000.000.000
7	Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam (VIB)	8,00	40.000.000.000	40.000.000.000
8	Quỹ thành viên Tập trung Cổ phần hóa Việt Nam	2,26	11.300.000.000	11.300.000.000
9	Công ty CP Dịch vụ Thương mại-Tin học-Đầu tư xây dựng Đông dương.	1,50	7.812.000.000	7.812.000.000
10	Công ty CP Quản lý quỹ Thái Bình Dương	1,60	8.000.000.000	8.000.000.000
11	Công ty CP Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Thái Dương	0,20	1.000.000.000	1.000.000.000
12	Cổ đông cá nhân	1,90	9.600.000.000	9.600.000.000
	Tổng cộng	100	500.000.000.000	500.000.000.000

Tình hình sử dụng vốn đến ngày 31/12/2018

Xem trên bảng số liệu báo cáo tài chính ngày 31/12/2018

3.3. Tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh năm 2018

a) Các số liệu tài chính kế toán của đơn vị trong năm 2018, cụ thể như sau:

Stt	Các chỉ tiêu chính	ĐVT	Số liệu 31/12/2018	Số liệu 31/12/2017
I	Tài sản ngắn hạn	Đồng	420.279.307.802	393.897.034.418
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	Đồng	52.550.248.667	10.785.035.998
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	Đồng	367.266.281.559	312.073.402.293
4	Hàng tồn kho	Đồng	142.158.722	69.257.913.193
5	Tài sản ngắn hạn khác	Đồng	320.618.854	1.780.682.934
II	Tài sản dài hạn	Đồng	138.562.491.982	173.708.999.955
1	Tài sản cố định	Đồng	96.938.035.337	132.084.543.310
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Đồng	41.624.456.645	41.624.456.645
III	Nợ phải trả	Đồng	3.259.796.696	13.029.859.834
1	Nợ ngắn hạn	Đồng	3.259.796.696	13.029.859.834
IV	Vốn chủ sở hữu	Đồng	555.582003.088	554.576.174.539
1	Vốn góp của chủ sở hữu	Đồng	500.000.000.000	500.000.000.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	22.883.498.026	22.883.498.026
4	LN sau thuế chưa phân phối	Đồng	32.698.505.062	31.692.676.513

b) Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ TH so với KH	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ TH năm 2018 so với năm 2017
1	Chỉ tiêu sản lượng	m ³ /tấn	417.200	337.128	80,8%	612.505	55,04%
2	Các chỉ tiêu tài chính						
2.1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	78,2	132,404	169,3%	462,180	28,65%
2.2	Gía vốn	Tỷ đồng	75,8	134,531	177,5%	453,998	29,63%
2.3	Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	2,4	-2,127		8,182	
2.4	Thu nhập tài chính	Tỷ đồng	9,0	17,876	198,6%	5,802	308%
2.5	CP tài chính	Tỷ đồng			-		-
2.6	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng			-		-
2.7	Chi phí Qlý DN	Tỷ đồng	12,200	14,044	115,1%	13,627	103,6%
2.8	Thu nhập khác	Tỷ đồng	0,8	0,609	76,1%	1,928	31,58%
2.9	Chi phí khác	Tỷ đồng	0,0	0,185	-	0,170	108,8%
2.10	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,0	2,129	106,5%	2,117	100,56%
2.11	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1,6	1,667	104,2%	1,650	101,03%
3.0	Thuế TNDN	Tỷ đồng	0,4	0,462	115,5%	4,020	11,5%
3							
1	Lao động	Người	128	120	94,5%	127	94,48%
2	Thu nhập bình quân từ lương	Tr đ/ng/th	11,4	12,4	109%	10,83	114,5%

- Chỉ tiêu Doanh thu đạt 169,3% so kế hoạch năm do kế hoạch năm 2018 không có doanh thu phụ gia nhưng trong quý I và quý II đơn vị có hạch toán doanh thu mua phụ gia chi hệ PVOIL. Chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế đạt 106,5% so kế hoạch năm phụ thuộc chủ yếu từ khoản doanh thu hoạt động tài chính đạt 198,6% so kế hoạch (Thu từ lãi trả chậm tiền hàng của PVOIL)
- Hoạt động của PVOIL Phú Mỹ chủ yếu phụ thuộc vào kế hoạch sản xuất của Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL). Sản lượng năm 2018 giảm chỉ bằng 55.04% so với năm 2017 (năm 2017: 612.505 m³, năm 2018: 337.128 m³).

4. Một số chỉ số tài chính chủ yếu :

STT	Chỉ số	Cách tính	Kết quả
1	Tỷ số thanh khoản nhanh =	$\frac{\text{Tài sản ngắn hạn (MS 100 BCĐKT)} - \text{Hàng tồn kho (MS 140 BCĐKT)}}{\text{Nợ ngắn hạn (MS 310 BCĐKT)}}$	128,915
2	Tỷ số thanh khoản hiện thời =	$\frac{\text{Tài sản ngắn hạn (MS 100 BCĐKT)}}{\text{Nợ ngắn hạn (MS 310 BCĐKT)}}$	128,95
3	Số vòng quay hàng tồn kho =	$\frac{\text{Doanh thu thuần (MS 10 BCKQKD)}}{\text{Bình quân Hàng tồn kho trong kỳ}}$	3,81
4	Số vòng quay khoản phải thu =	$\frac{\text{Doanh thu thuần (MS 10 BCKQKD)}}{\text{Bình quân Khoản phải thu trong kỳ}}$	0.38
5	Tỷ số nợ trên tổng tài sản = 100% x	$\frac{\text{Nợ phải trả (MS 300 BCĐKT)}}{\text{Tổng Tài sản (MS 270 BCĐKT)}}$	0.583%
6	Tỷ số nợ trên Vốn chủ sở hữu = 100% x	$\frac{\text{Nợ phải trả (MS 300 BCĐKT)}}{\text{Vốn chủ sở hữu (MS 410 BCĐKT)}}$	0.586%
7	Tỷ số ROA = 100% x	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế (MS 60 BCKQKD)}}{\text{Bình quân Tổng Tài sản}}$	0.29%
8	Tỷ số ROE = 100% x	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế (MS 60 BCKQKD)}}{\text{Bình quân Vốn cổ phần phổ thông}}$	0.33%
9	EPS =	$\frac{\text{Thu nhập ròng - cổ tức cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Lượng cổ phiếu bình quân đang lưu thông}}$	33,32

- Khách hàng của Công ty chủ yếu là các đơn vị trong cùng hệ thống PVOIL (cổ đông lớn của Công ty), nên khả năng xảy ra tình trạng không trả nợ hay xuất hiện tình trạng nợ khó đòi là không cao.
- Các chỉ số tài chính của công ty đều ở trong ngưỡng an toàn. Các hệ số về cơ cấu vốn, khả năng thanh toán cao... cho thấy đơn vị đang tự chủ về tài chính, tài sản được tài trợ chủ yếu bằng nguồn vốn chủ sở hữu.

5. Phân phối kết quả kinh doanh

Theo số liệu Báo cáo quyết toán tài chính năm đã được kiểm toán, tình hình phân chia lợi nhuận sau thuế, như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển : 22,883 tỷ đồng;
- Tổng lợi nhuận chưa phân phối : 32,698 tỷ, trong đó:
 - + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2018: 1,666 tỷ đồng;
 - + Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2017: 31,032 tỷ đồng.

Sau khi xem xét, thẩm tra, Ban kiểm soát hoàn toàn đồng ý với Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam; Ban kiểm soát Công ty nhất trí xác nhận số liệu

tại Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

6. Các số liệu khác liên quan

Lao động tiền lương: Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện đầy đủ chế độ cho Người lao động theo đúng quy định. Theo đó thu nhập bình quân từ lương của lao động là 12,4 triệu đồng/người/tháng.

7. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Dự án	KH 2018 (Triệu đồng)		Giải ngân đến ngày 31/12/2018 (Triệu đồng)		Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng (Triệu đồng)	
		Tổng giá trị	Vốn tự có (%)	Thực hiện trong kỳ	% TH/ KH 2018	Giá trị	% TH/ KH 2018
1	Đầu tư xây dựng cơ bản	Năm 2018 PVOIL Phú Mỹ không đầu tư xây dựng cơ bản					
2	Mua sắm tài sản	Năm 2018 PVOIL Phú Mỹ không mua sắm trang thiết bị, tài sản					
3	Duy tu sửa chữa, thuê mua bằng chi phí SXKD	3.000	100%	1.700	58,5%	1.700	58,5%
	Tổng cộng (1+2+3)	3.000	100%	1.700	58,5%	1.700	58,5%

Trong năm 2018, PVOil Phú Mỹ đã giải ngân :

1,7 tỷ đồng chi phí duy tu sửa chữa chỉ đạt 58,5% so kế hoạch năm.

IV. Một số kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc

Từ công tác kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, đánh giá tình hình hoạt động và kết quả tài chính năm 2018 của Công ty, Ban kiểm soát kiến nghị với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty, như sau:

- Xây dựng kế hoạch chi phí hoạt động phù hợp, tiết kiệm theo nội dung yêu cầu tại Quyết định số 443/QĐ-DVN ngày 25/05/2018 của Tổng công ty Dầu Việt Nam về việc ban hành Chương trình hành động về Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2020. ;
- Phòng Tài chính kế toán phối hợp Phòng Kỹ thuật công nghệ kiểm kê rà soát tình hình quản lý và sử dụng tài sản cố định, lập phương án thanh lý các loại tài sản đã hết khấu hao hoặc chưa hết khấu hao nhưng đã hư hỏng không còn sử dụng theo quy định hiện hành ;
- Trong năm 2019 hoàn tất việc xử lý chi phí tồn đọng theo ý kiến kiểm toán ngoại trừ trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán liên quan đến 2 dự án tạm dừng

hoạt động: Dự án “Mở rộng kho chứa Nhà máy Chế biến Condensate” và Dự án “Mở rộng và sử dụng hiệu quả nguyên liệu Nhà máy Chế biến Condensate” với số tiền là 41.624.456.645 VND, hiện đang được Công ty phản ánh trên khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang”;

- Áp dụng có hiệu lực và hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 ; ISO/TS 29001:2010; ISO 14001:2004; OH SAS 18001:2007;
- Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống máy móc thiết bị công nghệ và xây lắp theo đúng quy định, tăng cường sử dụng nhân lực nội bộ để thực hiện nhằm tiết giảm chi phí.
- Hoàn thiện ban hành các văn bản pháp lý, các quyết định, các nghị quyết, quy chế liên quan đến mọi hoạt động của Công ty;

V. Dự kiến kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ban kiểm soát

- Kiểm tra soát xét báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính sau kiểm toán;
- Kiểm tra giám sát các hoạt động đầu tư, xây dựng, các dự án của Công ty;
- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát;
- Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty;
- Giám sát công tác kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty;
- Kiểm tra định kỳ hàng quý và đột xuất liên quan đến công tác tổ chức, thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc;
- Thu nhận các thông tin, trao đổi, giao tiếp với cổ đông và xử lý các vấn đề theo đề nghị của cổ đông;
- Tổ chức thẩm định Báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm cùng với việc kiểm tra, tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán và các công tác khác.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động năm 2018 và kế hoạch năm 2019.

Ban kiểm soát kính trình đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua.

Trân trọng kính chào.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



Nguyễn Văn Tiến

TỜ TRÌNH
Về việc phân chia lợi nhuận năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty CP Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ (PVOIL Phú Mỹ) ban hành kèm theo Nghị quyết số 59/NQ-DKPM - ĐHĐCĐ ngày 17/12/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ;

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty năm 2018;

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 đã được kiểm toán, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông biểu quyết phương án phân chia lợi nhuận năm 2018 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Tổng công ty phê duyệt	
		Tỷ lệ (%)	Giá trị (đồng)
1	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN		1.666.204.723
2	Tổng LNST trước khi trích quỹ (2=1)	100%	1.666.204.723
3	Trích các quỹ	45%	749.792.125
-	<i>Quỹ phúc lợi (30% LNST)</i>	<i>30%</i>	<i>499.861.417</i>
-	<i>Quỹ khen thưởng (15% LNST)</i>	<i>15%</i>	<i>249.930.708</i>
4	Tổng LNST sau khi trích các quỹ (4=2-3)	55%	916.412.598
5	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia		31.032.300.339
6	Lợi nhuận dùng để chia cổ tức (6=4+5)		31.948.712.937
7	Chi cổ tức năm 2018		0
8	LN chưa phân phối chuyển năm sau (8=6-7)		31.948.712.937

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Việt Thắng



TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty CP Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ

Ban kiểm soát với sự thống nhất của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ với các nội dung như sau:

1. Các tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập

- Là một trong những đơn vị có kiểm toán uy tín, thương hiệu, được nhiều Công ty đại chúng tin cậy tại Việt Nam;
- Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là đơn vị kiểm toán và định giá cho các Công ty đại chúng;
- Việc kiểm toán phải tuân theo chuẩn mực kế toán - kiểm toán Việt Nam (VAS);
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

2. Danh sách các Công ty kiểm toán đề xuất

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH Kiểm toán An Phú;
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

3. Đề xuất đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là một đơn vị luôn nhận được sự tin cậy của khách hàng trên cả nước, đã nhiều năm kiểm toán cho các Công ty cổ phần đại chúng. Đây là đơn vị được Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP và nhiều doanh nghiệp khác trong ngành dầu khí lựa chọn để kiểm toán. Ngoài ra, trong các năm 2010; 2011; 2012; 2013; 2014; 2015; 2016; 2017; 2018 Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã thực hiện


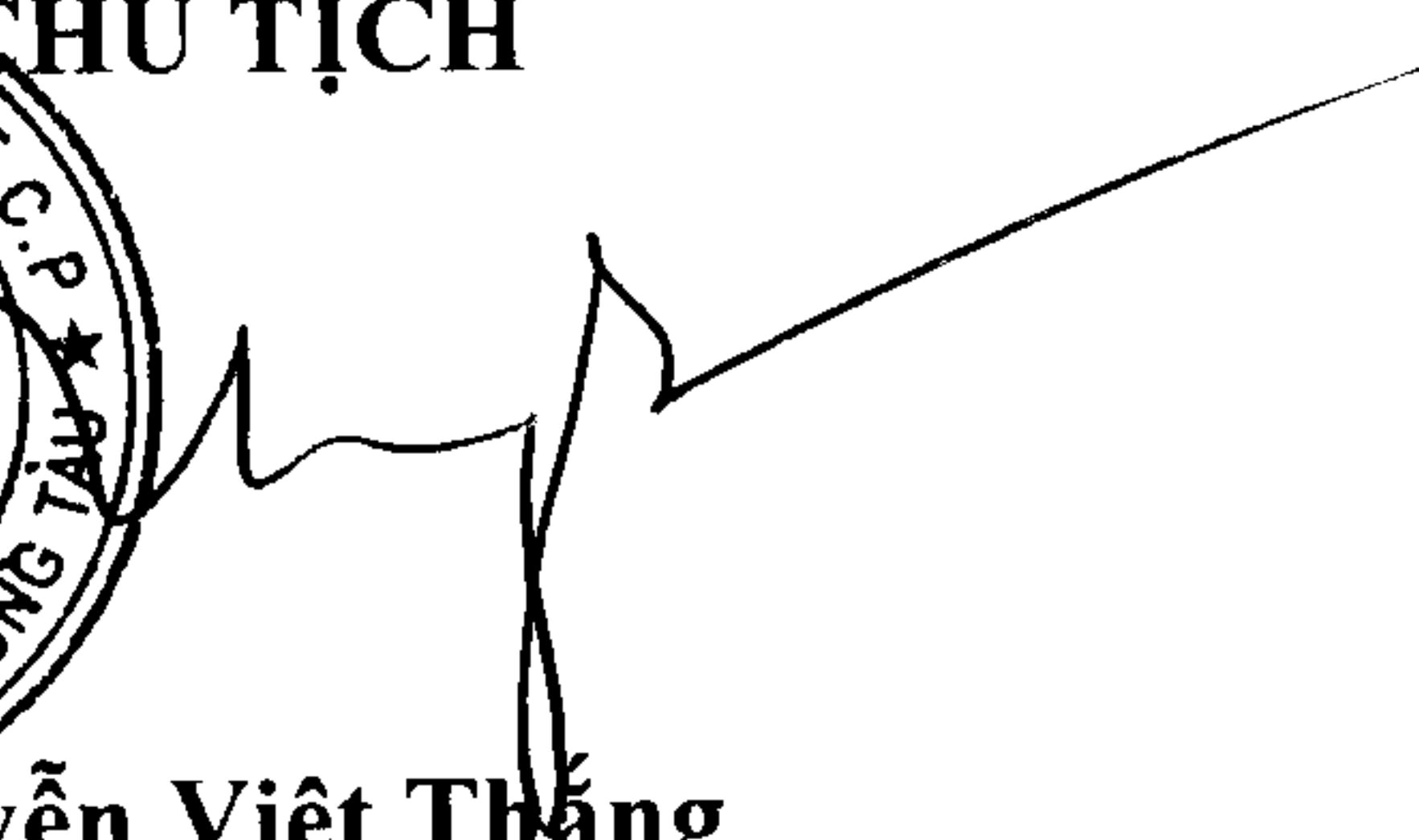


kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty có chất lượng, kịp thời, đáp ứng nhu cầu quản lý, điều hành.


Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam tiếp tục là Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ.

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Việt Thắng



Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 15 tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc quyết toán thù lao năm 2018 và kế hoạch thù lao năm 2019
cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty CP Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 26/11/2014, có hiệu lực từ ngày 01/7/2015;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sản xuất và chế biến dầu khí Phú Mỹ được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 14/4/2016 và được sửa đổi, bổ sung ngày 17/12/2018;

Căn cứ Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ ban hành theo Quyết định số 19/QĐ-DKPM-HĐQT ngày 07/8/2012;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-DKPM-ĐHĐCĐ ngày 28/6/2018 của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua kế hoạch chi trả thù lao năm 2018 cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông về thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty năm 2018 và phương án trả thù lao năm 2019, như sau:

1. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (không chuyên trách) năm 2018:

Thực tế tổng mức thù lao đã chi trong năm 2018: **178.000.000 đồng** (Một trăm, bảy mươi tám triệu đồng), trong đó:

- Chủ tịch HĐQT (không chuyên trách): 01 người (Theo nghị quyết số 52/NQ-HĐQT ngày 06/11/2018 có hiệu lực từ ngày 06/11/2018 bầu ông Nguyễn Việt Thắng giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty)
- Thành viên HĐQT (không chuyên trách): 03 người;
- Thành viên BKS (không chuyên trách): 01 người



2. Phương án thù lao trả cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (không chuyên trách) năm 2019 như sau:

Stt	Chức danh	Số lượng	Cơ chế hoạt động	Mức thù lao
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	01	Không chuyên trách	5.000.000đ/người/tháng
2	Thành viên Hội đồng quản trị	03	Không chuyên trách	4.000.000đ/người/tháng
3	Trưởng Ban kiểm soát	01	Chuyên trách	Theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.
4	Thành viên Ban kiểm soát	01	Chuyên viên lao động tiền lương kiêm nhiệm	Theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.
5	Thành viên Ban kiểm soát	01	Không chuyên trách	2.000.000đ/người/tháng

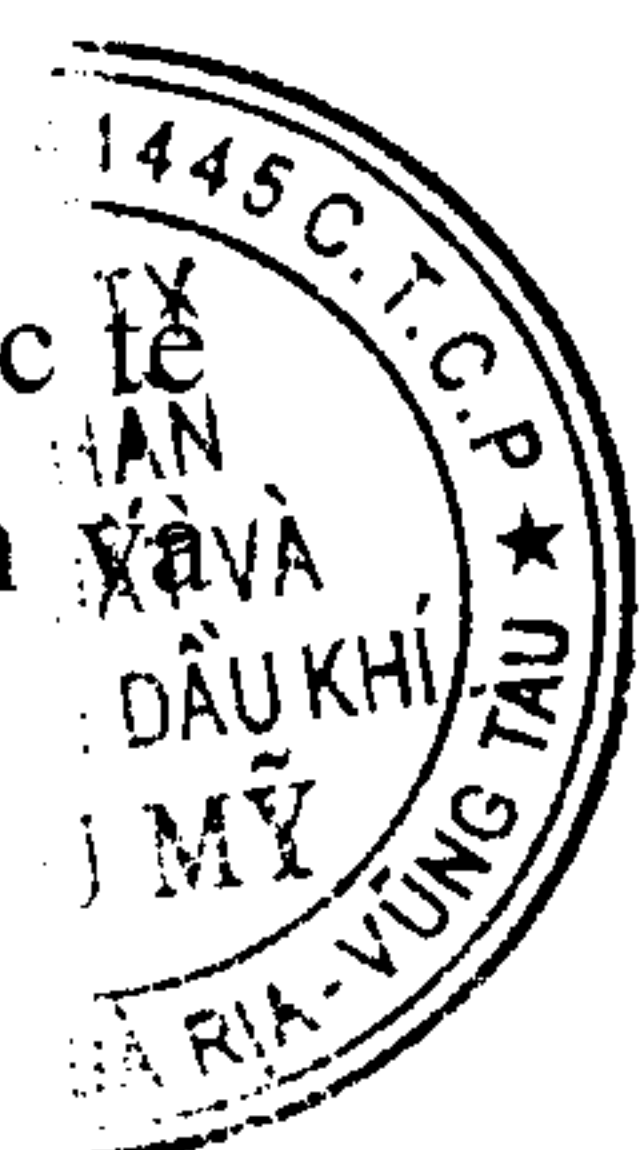
Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019 chi theo thực tế thời gian đảm nhiệm chức danh. Quỹ thù lao được ghi nhận vào chi phí khác trong năm thực hiện loại trừ khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Việt Thắng



TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại Hội đồng Cổ đông
Công ty CP Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 26/11/2014, có hiệu lực từ ngày 01/7/2015;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ (PVOIL Phú Mỹ) ban hành kèm theo Nghị quyết số 59/NQ-DKPM - ĐHĐCĐ ngày 17/12/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua Báo cáo Tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, trong đó có các chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị (thời điểm 31/12/2018)
I	TỔNG TÀI SẢN	558.841.799.784
1	Tài sản ngắn hạn	420.279.307.802
2	Tài sản dài hạn	138.562.491.982
II	NGUỒN VỐN	558.841.799.784
1	Nợ phải trả	3.259.796.696
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	555.582.003.088
III	KẾT QUẢ KINH DOANH	
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	132.404.157.731
2	Giá vốn	134.531.858.409
2	Lợi nhuận trước thuế	2.129.071.142
3	Lợi nhuận sau thuế	1.666.204.723

Nội dung của Báo cáo Tài chính năm 2018 được đính kèm theo Tờ trình này.

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông của PVOIL Phú Mỹ;
- Lưu: VT, HĐQT, LVP (02).



**GIẤY ĐĂNG KÝ
THAM DỰ HOẶC ỦY QUYỀN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

Tên cá nhân hoặc tổ chức:

Số CMND/Hộ chiếu:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại:

Mã cổ đông:

Sở hữu:

Tôi/Chúng tôi xác nhận rằng:

- Đồng ý tham dự Đại hội
- Đồng ý ủy quyền cho

Ông (bà):

CMND số:

Địa chỉ liên lạc:

Trường hợp Quý cổ đông không tìm được người đề cử quyền, có thể ủy quyền cho 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị Công ty trong danh sách dưới đây:

- Ông Nguyễn Việt Thắng – Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Hải Nam – Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Ngô Đức Dũng – Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Trần Trung Dũng – Thành viên Hội đồng quản trị

(Đánh dấu x vào ô của người được chọn để ủy quyền)

Được thay mặt tôi/chúng tôi tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ, với tư cách là đại diện cho tất cả số cổ phần mà tôi/chúng tôi đang sở hữu.

Tôi/chúng tôi cam đoan không khiếu nại về kết quả biểu quyết của người tôi/chúng tôi ủy quyền trên.

Ông/bà có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung quy chế làm việc của Đại hội, không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại kết quả Đại hội cho người ủy quyền./

..... Ngàytháng.....năm 2019

Người được ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người tham dự/ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ**

Tên cá nhân hoặc tổ chức:

Số CMND/Hộ chiếu:

Địa chỉ liên hệ:

.....

Điện thoại:

Mã cổ đông:

Sở hữu:cổ phần tại Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ.

Bằng văn bản này, tôi xác nhận sẽ đến tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 vào lúc 14h30 ngày 11/4/2019.

..... Ngàytháng.....năm 2019

NGƯỜI THAM DỰ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng năm 2019

THƯ MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ

Kính gửi:

Mã số cổ đông:

Số cổ phần:

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, cụ thể như sau:

1. Thông tin về Công ty

- Tên công ty: Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ.
- Trụ sở chính: Khu công nghiệp Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
- Điện thoại: 0254.3936798 Fax: 0254.3936367
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 03501741445 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp thay đổi lần 3 ngày 27/12/2018.

2. Chương trình họp Đại đồng cổ đông

▪ **Nội dung:**

- Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 và kế hoạch năm 2019;
- Báo cáo thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch năm 2019;
- Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch năm 2019;
- Tờ trình thông qua báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán (có kèm theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán);
- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán 2019;
- Tờ trình phân chia lợi nhuận năm 2018;

- Tờ trình quyết toán thù lao năm 2018 và kế hoạch thù lao năm 2019 cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

- Các vấn đề khác.

▪ **Thời gian: 14h30 ngày 11/4/2019 (Thứ năm).**

▪ **Địa điểm:** Phòng họp Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ, Khu công nghiệp Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 và mẫu giấy ủy quyền tham dự họp của Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ đồng thời được đăng tải tại địa chỉ: <http://www.pvoilphumy.com>.

- Đề công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông xác nhận tham dự hoặc ủy quyền dự họp trước 14h ngày 09/4/2019 về PVOIL Phú Mỹ theo số fax: 0254.3936367;

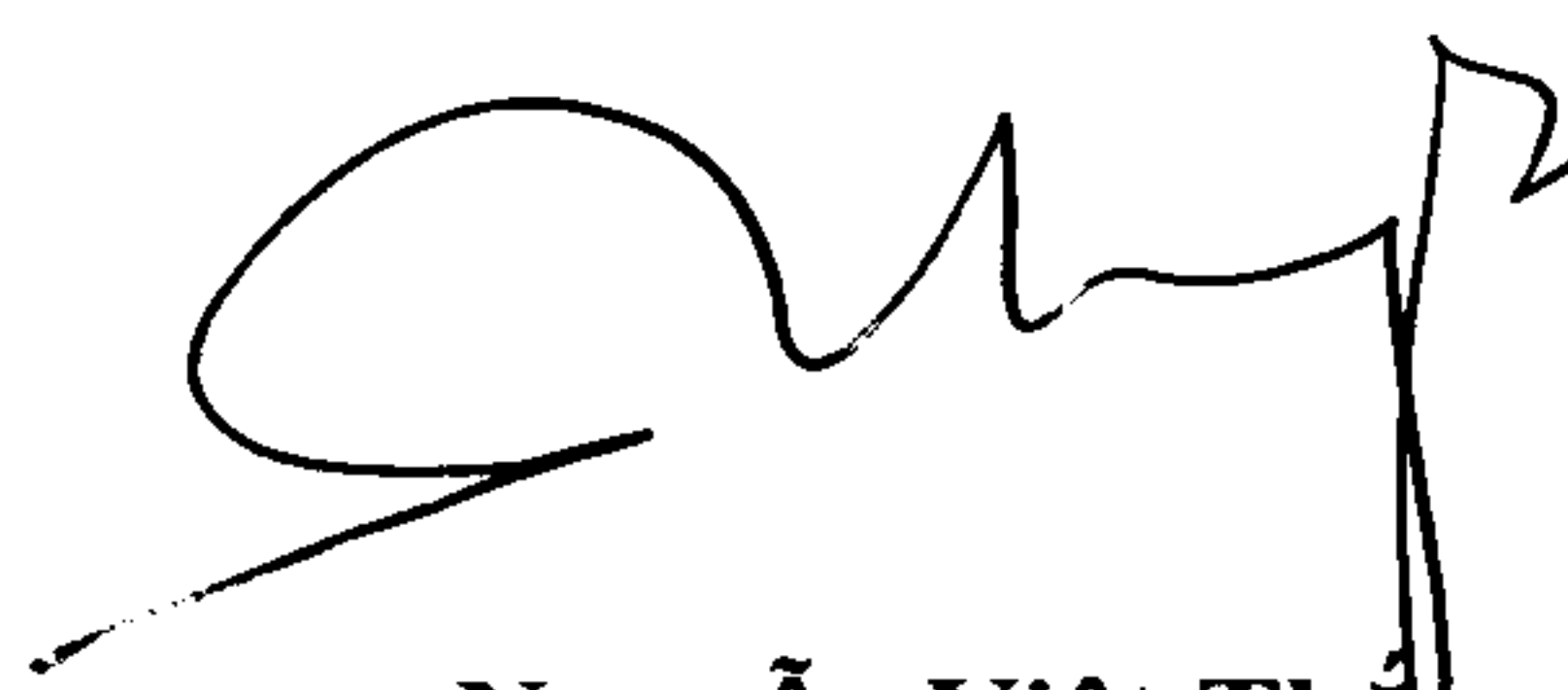
Mọi thông tin cần thiết liên hệ Thư ký Công ty – Ms. Trần Thúy Hiền

ĐT: 0903338333

Email: hientt@phumy.pvoil.com

Trân trọng kính mời!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Việt Thắng

Deloitte.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ
CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 18



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Việt Thắng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 06 tháng 11 năm 2018)
Ông Nguyễn Trí Dũng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 06 tháng 11 năm 2018)
Ông Nguyễn Trọng Quyết	Thành viên (miễn nhiệm ngày 07 tháng 11 năm 2018)
Ông Nguyễn Hải Nam	Thành viên
Ông Trần Trung Dũng	Thành viên
Ông Ngô Đức Dũng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Quyết	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 07 tháng 11 năm 2018)
Ông Nguyễn Kim Ngọc	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

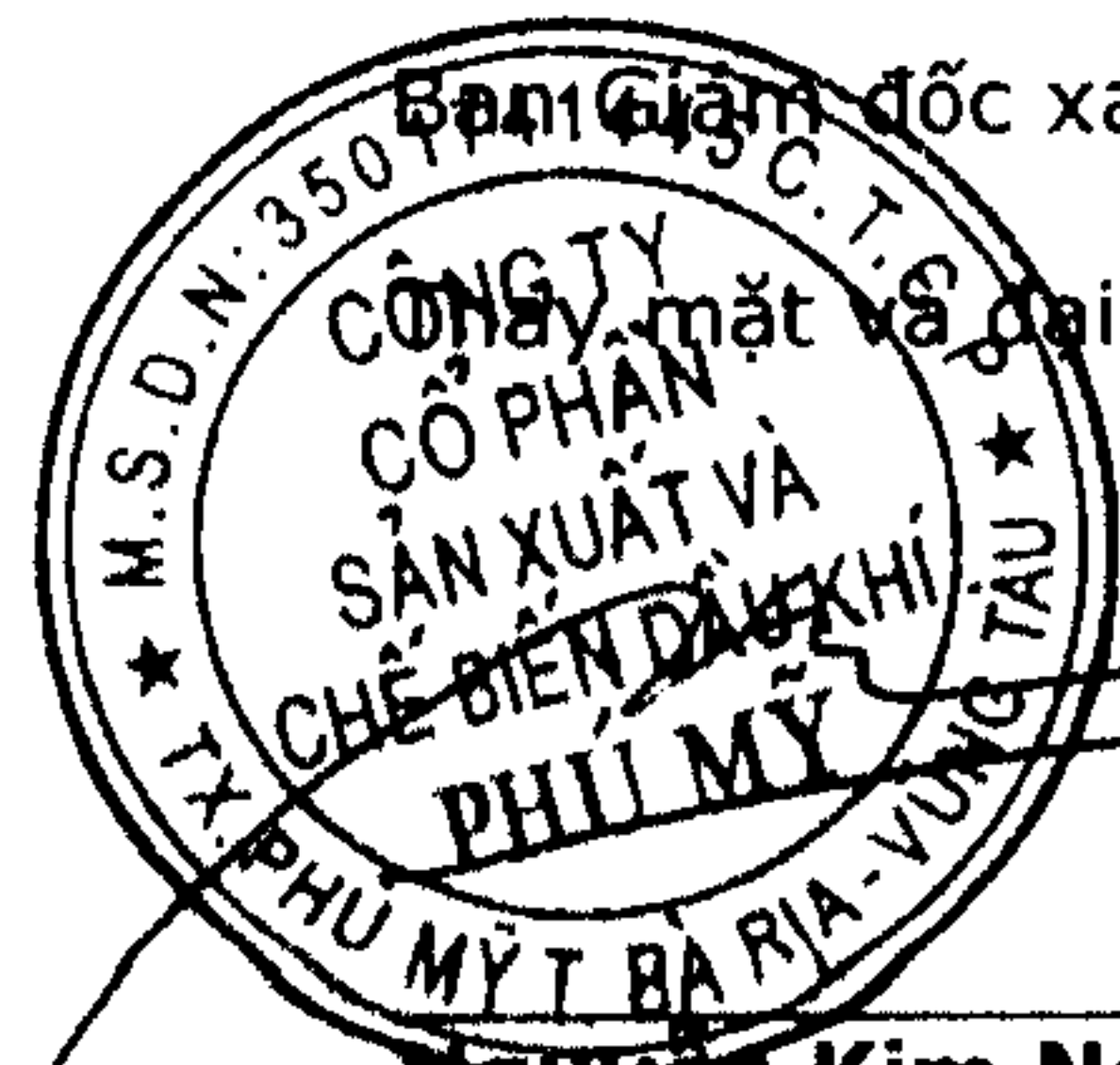
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Kim Ngọc
Phó Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2019

0112
ÔN
NHIỆ
LO
ÊT
DA

Số: 468 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 02 năm 2019, từ trang 4 đến trang 18, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đang phản ánh trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" bao gồm Dự án mở rộng kho chứa nhà máy chế biến condensate và Dự án mở rộng và sử dụng hiệu quả nguyên liệu cho nhà máy chế biến condensate với số tiền là 41.624.456.645 VND. Căn cứ vào Quyết định số 18/QĐ-DKPM-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 12 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã tạm dừng việc tiếp tục triển khai xây dựng 2 dự án này. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa có những đánh giá và quyết định cụ thể về khả năng thu hồi cũng như việc tiếp tục đầu tư các dự án nêu trên. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu chi phí xây dựng cơ bản dở dang hay không.

00-
TY
HUUH
ITE
AM
P.H

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 02 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Ngọc Hải
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2452-2018-001-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN
DẦU KHÍ PHÚ MỸ**KCN Cái Mép, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 01-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		420.279.307.802	393.897.034.418
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	52.550.248.667	10.785.035.998
1. Tiền	111		12.550.248.667	10.785.035.998
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		367.266.281.559	312.073.402.293
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	359.436.653.516	309.748.320.239
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		124.086.772	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	7.705.541.271	2.325.082.054
III. Hàng tồn kho	140	7	142.158.722	69.257.913.193
1. Hàng tồn kho	141		142.158.722	69.257.913.193
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		320.618.854	1.780.682.934
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	1.138.111.376
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	9	320.618.854	642.571.558
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		138.562.491.982	173.708.999.955
I. Tài sản cố định	220		96.938.035.337	132.084.543.310
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	96.938.035.337	132.084.543.310
- Nguyên giá	222		374.784.188.737	374.860.468.737
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(277.846.153.400)	(242.775.925.427)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	10	41.624.456.645	41.624.456.645
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		41.624.456.645	41.624.456.645
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		558.841.799.784	567.606.034.373

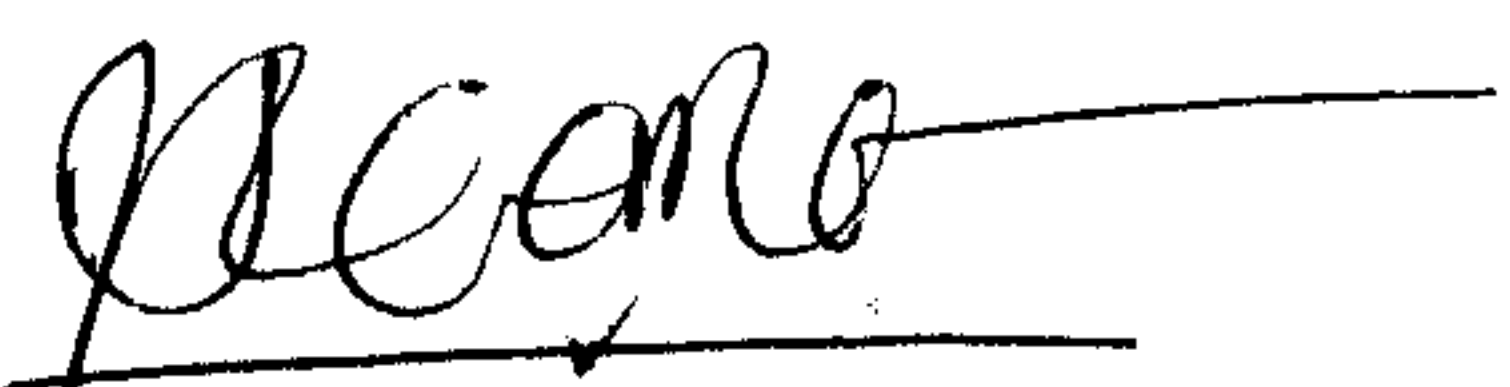
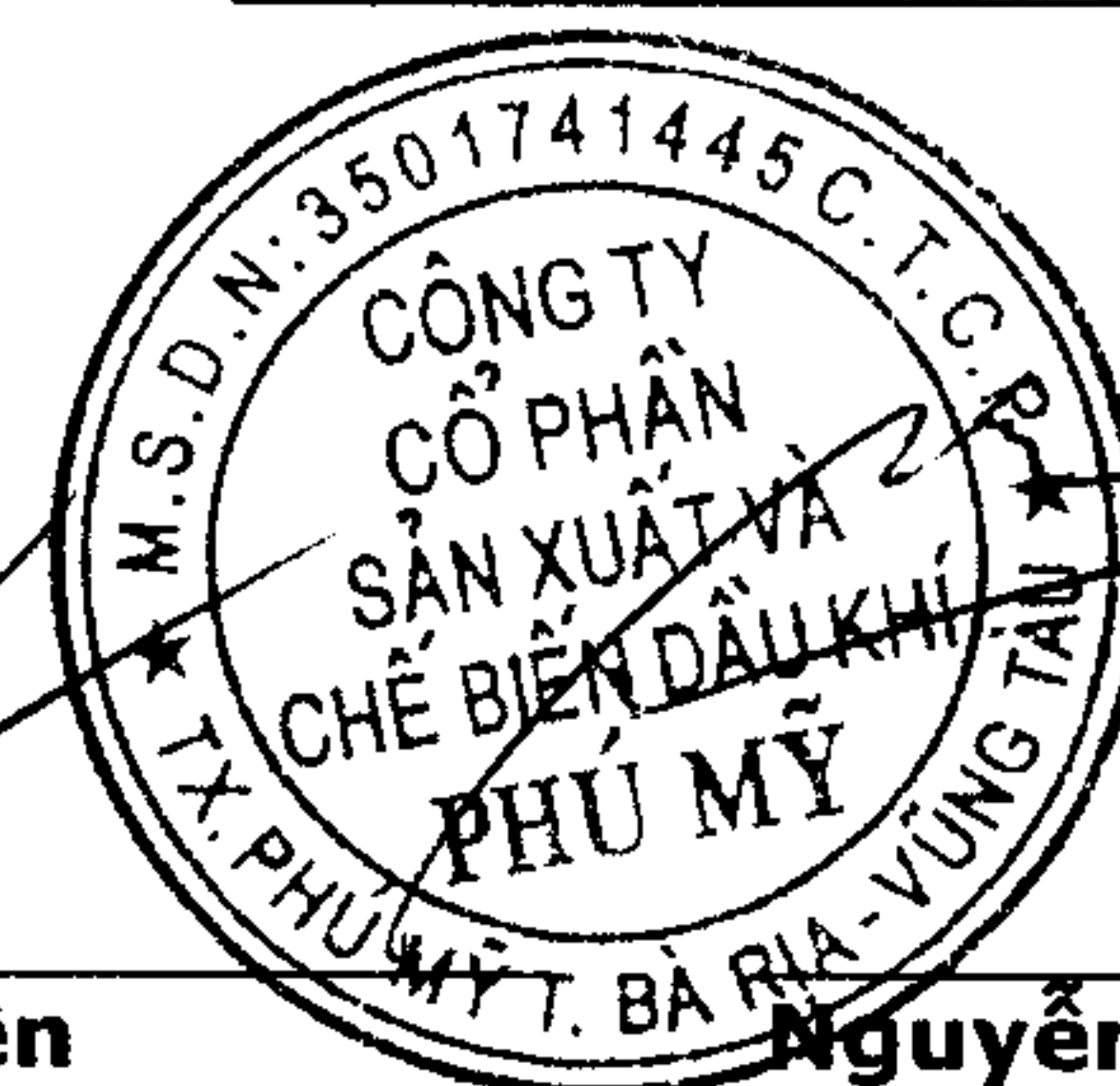
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN
DẦU KHÍ PHÚ MỸ**KCN Cái Mép, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 01-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.259.796.696	13.029.859.834
I. Nợ ngắn hạn	310		3.259.796.696	13.029.859.834
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	1.607.367.124	8.323.545.078
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	471.574.801	235.910.698
3. Phải trả người lao động	314		409.200.695	595.305.118
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		310.895.000	40.588.486
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		161.956.477	3.679.684.029
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		298.802.599	154.826.425
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		555.582.003.088	554.576.174.539
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	555.582.003.088	554.576.174.539
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	"	500.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.883.498.026	22.883.498.026
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.698.505.062	31.692.676.513
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		31.032.300.339	30.041.736.078
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.666.204.723	1.650.940.435
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		558.841.799.784	567.606.034.373

Lê Văn Phong
Người lập biểuLương Trung Kiên
Kế toán trưởngNguyễn Kim Ngọc
Phó Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2019

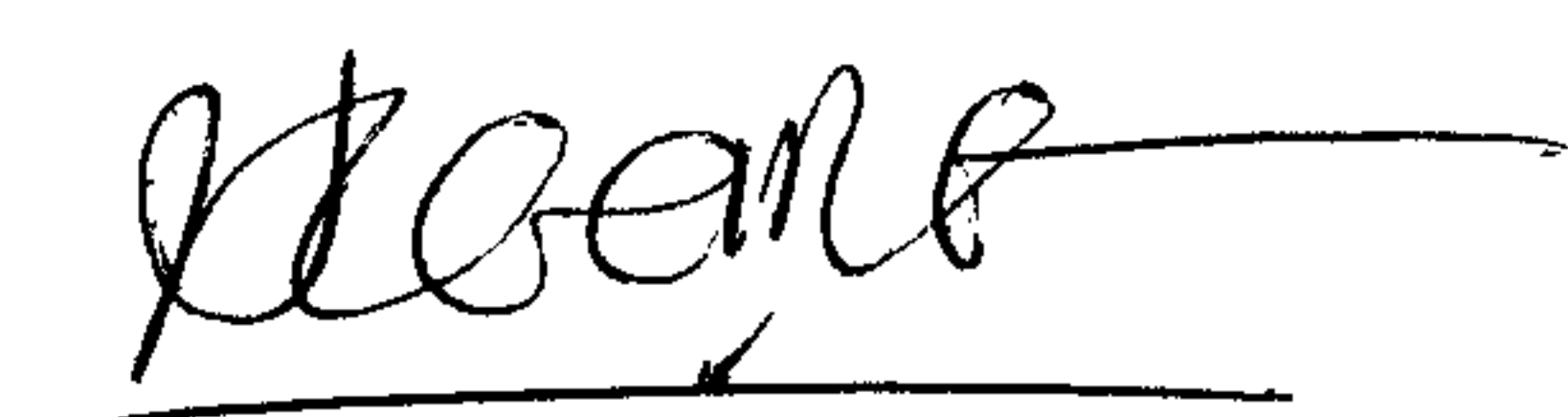
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

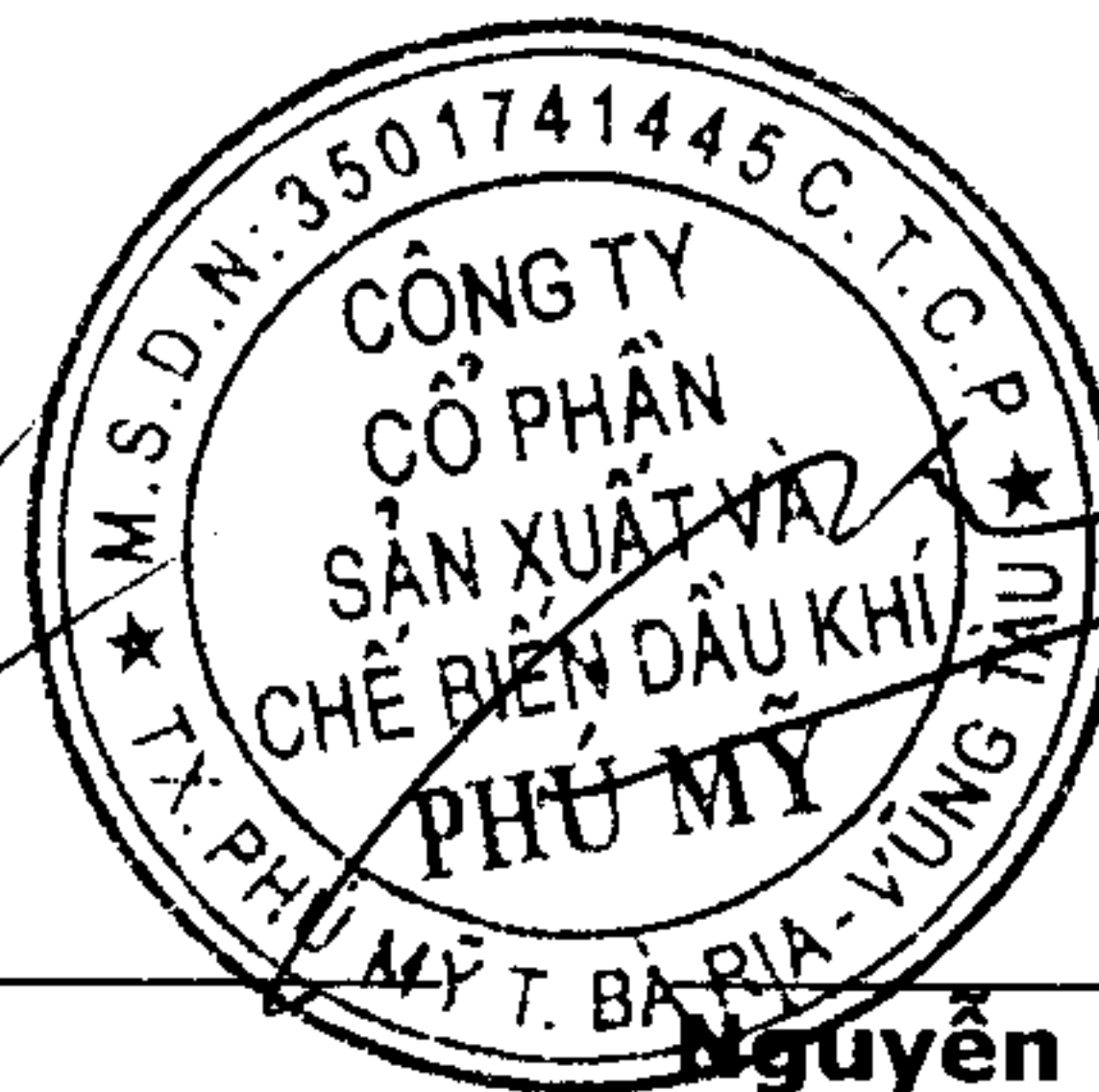
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN
DẦU KHÍ PHÚ MỸ**KCN Cái Mép, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 02-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh		Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14	132.404.157.731	462.180.679.982
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		132.404.157.731	462.180.679.982
3. Giá vốn hàng bán	11	15	134.531.858.409	453.998.136.923
4. (Lỗ)/lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(2.127.700.678)	8.182.543.059
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	17.876.926.360	5.802.837.729
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	18	14.044.304.976	13.627.504.691
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-26)	30		1.704.920.706	357.876.097
8. Thu nhập khác	31		609.411.389	1.928.885.065
9. Chi phí khác	32		185.260.953	170.021.084
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		424.150.436	1.758.863.981
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	"	2.129.071.142	2.116.740.078
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	462.866.419	465.799.643
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		1.666.204.723	1.650.940.435
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	33	20


Lê Văn Phong
Người lập biểu

Lương Trung Kiên
Kế toán trưởngNguyễn Kim Ngọc
Phó Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2019

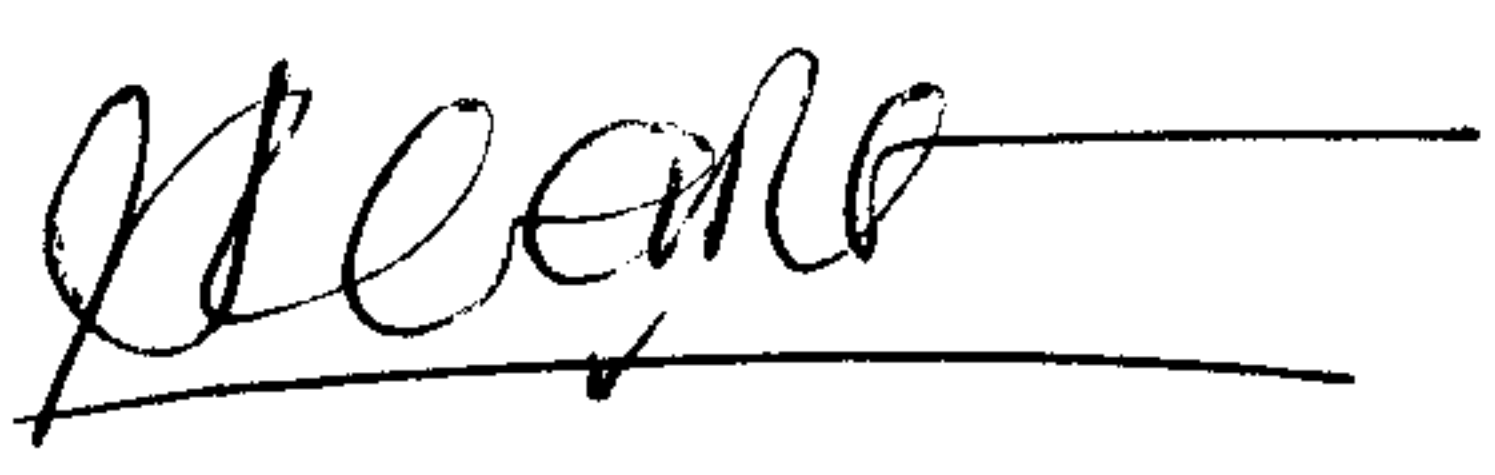
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

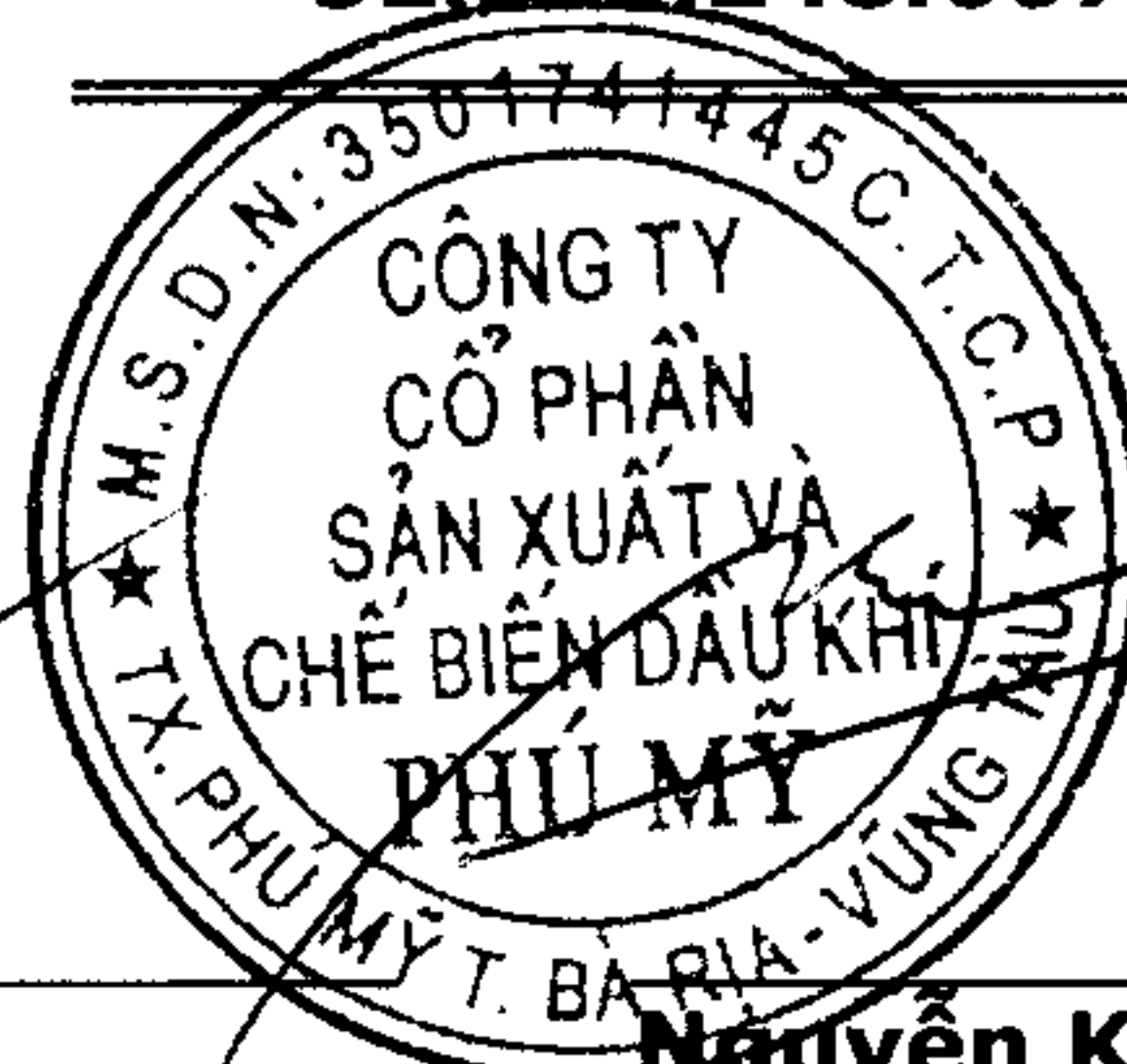
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.129.071.142	2.116.740.078
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	35.070.227.973	35.706.692.468
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.058.163.192)	(100.245.504)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	36.141.135.923	37.723.187.042
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(53.483.157.104)	26.757.131.902
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	69.115.754.471	(1.857.509.982)
(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(10.893.305.731)	(51.925.557.468)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(2.146.046.015)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(1.727.240.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	40.880.427.559	6.823.965.479
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(118.200.000)	(955.695.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.002.985.110	100.245.504
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	884.785.110	(855.449.496)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30)	50	41.765.212.669	5.968.515.983
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	10.785.035.998	4.816.520.015
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	52.550.248.667	10.785.035.998



Lê Văn Phong
Người lập biểu



Lương Trung Kiên
Kế toán trưởng




Nguyễn Kim Ngọc
Phó Giám đốc

Ngày 15 tháng 02 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN
DẦU KHÍ PHÚ MỸ**

KCN Cái Mép, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 3501741445 ngày 30 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đầu tư là 500 tỷ đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 119 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 128 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm có liên quan;
- Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm có liên quan;
- Sản xuất và chế biến nhiên liệu và dung môi;
- Kinh doanh nhiên liệu sinh học (Ethanol fuel, Biodiesel);
- Thực hiện các hoạt động liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học;
- Mua bán thiết bị, vật tư máy móc và dịch vụ thương mại;
- Mua bán phương tiện phục vụ công tác chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu;
- Mua bán vật tư thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến sản phẩm dầu;
- Xây dựng các hệ thống bồn chứa, phân phối và kinh doanh sản phẩm dầu;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu và các sản phẩm từ dầu mỏ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; và
- Kiểm tra phân tích kỹ thuật, dịch vụ thử nghiệm xăng dầu.

Hoạt động chính của Công ty là gia công và bán phụ gia cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (Công ty mẹ của Công ty).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

25C
G
M H
DIT
NA
TP

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hữu hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 15
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 8
Thiết bị văn phòng	3

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	42.246.313	214.045.227
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.508.002.354	10.570.990.771
Các khoản tương đương tiền (i)	40.000.000.000	-
	<u>52.550.248.667</u>	<u>10.785.035.998</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 01 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu và Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 21)	359.436.653.516	309.748.320.239
	<u>359.436.653.516</u>	<u>309.748.320.239</u>

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu lãi trả chậm tiền hàng Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	7.578.363.189	1.716.827.164
Ký cược, ký quỹ	40.000.000	40.000.000
Phải thu thưởng không khiếu nại, hoàn trả từ PVI Vũng Tàu	-	127.625.213
Phải thu khác	87.178.082	440.629.677
	<u>7.705.541.271</u>	<u>2.325.082.054</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	142.158.722	-	67.077.189.648	-
Hàng gửi bán	-	-	2.180.723.545	-
	<u>142.158.722</u>	<u>-</u>	<u>69.257.913.193</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị		Thiết bị văn phòng		Phương tiện vận tải		Tổng	
	VND		VND		VND		VND		VND	
NGUYÊN GIÁ										
Số dư đầu năm	46.394.673.045	292.427.001.966	859.911.461	35.178.882.265	374.860.468.737					
Tăng trong năm	-	118.200.000	-	-	118.200.000					
Tăng do phân loại lại nhóm tài sản	126.151.214.748	-	-	-	126.151.214.748					
Giảm do phân loại lại nhóm tài sản	-	98.768.782.767	528.144.262	26.854.287.719	126.151.214.748					
Giảm do phân loại lại sang công cụ, dụng cụ	-	194.480.000	-	-	194.480.000					
Số dư cuối năm	172.545.887.793	193.581.939.199	331.767.199	8.324.594.546	374.784.188.737					
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ										
Số dư đầu năm	22.288.557.871	209.012.230.541	856.323.484	10.618.813.531	242.775.925.427					
Khấu hao trong năm	16.098.357.829	18.714.586.355	33.358.586	418.405.203	35.264.707.973					
Tăng do phân loại lại nhóm tài sản	92.835.788.561	-	-	-	92.835.788.561					
Giảm do phân loại lại nhóm tài sản	-	89.078.514.220	586.039.870	3.171.234.471	92.835.788.561					
Giảm do phân loại lại sang công cụ, dụng cụ	-	194.480.000	-	-	194.480.000					
Số dư cuối năm	131.222.704.261	138.453.822.676	303.642.200	7.865.984.263	277.846.153.400					
GIÁ TRỊ CÒN LẠI										
Tại ngày đầu năm	24.106.115.174	83.414.771.425	3.587.977	24.560.068.734	132.084.543.310					
Tại ngày cuối năm	41.323.183.532	55.128.116.523	28.124.999	458.610.283	96.938.035.337					

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 với giá trị là 10.381.398.213 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 8.377.256.225 VND).

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	500.000.000.000	22.883.498.026	36.741.080.251
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.650.940.435
Trích thưởng ban điều hành	-	-	(306.625.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.392.719.173)
Chia cổ tức	-	-	(5.000.000.000)
Số dư đầu năm nay	500.000.000.000	22.883.498.026	31.692.676.513
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.666.204.723
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(660.376.174)
Số dư cuối năm nay	500.000.000.000	22.883.498.026	32.698.505.062

(i) Trong năm 2018, Công ty đã tiến hành trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 22/NQ-DKPM-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đầu tư (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư		Vốn đã góp cuối năm VND	Vốn đã góp đầu năm VND
	VND	%		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	315.000.000.000	63%	338.188.000.000	338.188.000.000
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	10.000.000.000	2%	52.000.000.000	52.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	1.000.000.000	0,2%	11.000.000.000	11.000.000.000
Các cổ đông khác	174.000.000.000	34,8%	98.812.000.000	98.812.000.000
	500.000.000.000	100%	500.000.000.000	500.000.000.000

13. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Ngoại tệ (EUR)	50	50
2. Hàng hóa nhận vật tư giữ hộ (Lít)	6.292.292	22.366.369

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

14. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	69.097.708.728	372.931.440.000
- Doanh thu dịch vụ gia công hàng hóa	59.441.287.613	77.197.438.630
- Doanh thu dịch vụ khác	3.865.161.390	12.051.801.352
	<u>132.404.157.731</u>	<u>462.180.679.982</u>
Doanh thu chi tiết với các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	132.404.157.731	461.692.511.517

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Giá vốn hàng hóa xuất bán	69.755.049.462	374.846.743.986
Giá vốn dịch vụ gia công hàng hóa	61.103.427.421	70.715.131.991
Giá vốn dịch vụ khác	3.673.381.526	8.436.260.946
	<u>134.531.858.409</u>	<u>453.998.136.923</u>

16. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	69.949.395.147	375.274.889.881
Chi phí nhân công	23.216.538.488	20.552.314.924
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.257.668.464	35.706.692.468
Chi phí khác bằng tiền	20.152.561.286	36.091.744.341
	<u>148.576.163.385</u>	<u>467.625.641.614</u>

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.058.163.192	100.245.504
Lãi bán hàng trả chậm	16.818.763.168	5.702.592.225
	<u>17.876.926.360</u>	<u>5.802.837.729</u>

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí lương nhân viên	10.831.506.634	8.624.022.406
Chi phí khấu hao tài sản cố định	80.471.970	107.788.633
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.132.326.372	4.895.693.652
	<u>14.044.304.976</u>	<u>13.627.504.691</u>

250
37
MH
IT
NA
TP

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Chế biến khí Vũng Tàu	Cùng tập đoàn
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Cùng tập đoàn
Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chế biến Dầu khí Việt Nam	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam	Cùng tập đoàn
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông	Cùng tập đoàn
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD	Cùng tập đoàn
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	Cùng tập đoàn
Công ty Vận tải Xăng dầu Dầu khí Miền Nam	Cùng tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bán hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	131.764.891.519	460.953.187.943
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông	574.280.000	467.020.000
Công ty Cổ phần Thương Mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	20.250.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	16.350.000	62.150.000
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	14.689.478	21.660.750
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	9.200.000	103.200.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim	4.496.734	-
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	-	4.200.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam - chi nhánh Vũng Tàu	-	81.092.824
	132.404.157.731	461.692.511.517
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	3.029.051.946	1.427.366.009
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.956.068.791	-
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	1.342.315.101	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	1.074.476.040	2.698.954.380
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	924.383.673	1.245.061.923
Công ty TNHH MTV Chế biến khí Vũng Tàu	924.144.370	1.875.027.205
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD	271.261.730	570.587.858
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	236.698.650	256.501.890
Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam	-	81.272.730
Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chế biến Dầu khí Việt Nam	-	554.611.291
Công ty Vận tải Xăng dầu Dầu khí Miền Nam	-	10.724.175.032
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	-	149.652.000
	9.758.400.301	19.583.210.318
Lãi bán hàng trả chậm		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	16.818.763.168	5.702.592.225
	16.818.763.168	5.702.592.225

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

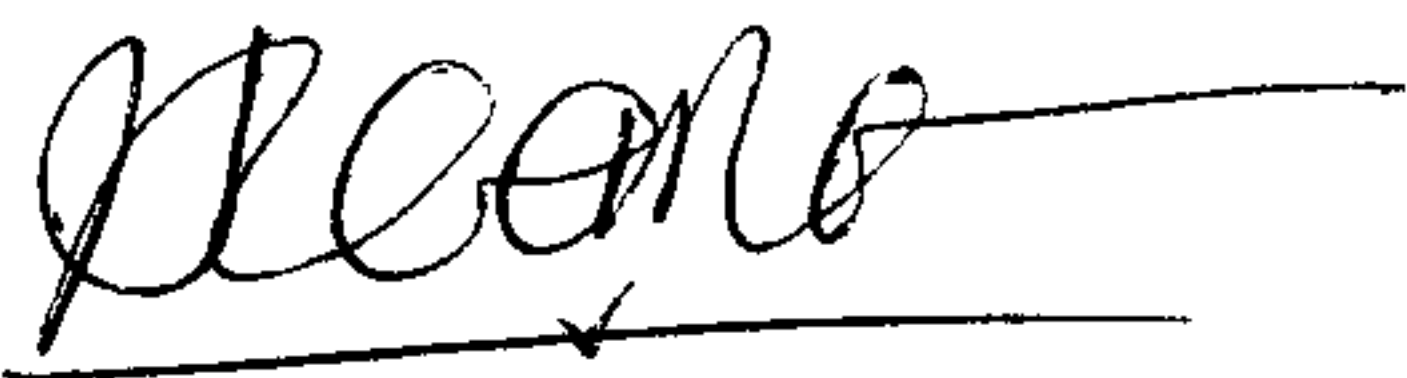
MẪU SỐ B 09-DN

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Các khoản phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	359.409.064.631	309.606.244.979
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	2.200.000	75.240.000
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	1.573.885	2.590.260
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Xí nghiệp	21.615.000	43.950.000
Tổng kho Xăng dầu Miền Đông		
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Xí nghiệp	2.200.000	20.295.000
Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè		
	359.436.653.516	309.748.320.239
Các khoản phải trả người bán		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	282.368.000	269.588.600
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	280.111.840	1.076.616.836
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	82.767.370	116.697.950
Công ty TNHH MTV Chế biến khí Vũng Tàu	78.005.599	237.955.079
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	36.191.034	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD	25.510.416	65.655.415
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	-	147.688.728
Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam	-	6.600.000
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	-	149.652.000
	784.954.259	2.070.454.608
Phải thu khác		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	7.578.363.189	1.716.827.164
	7.578.363.189	1.716.827.164

Thu nhập Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

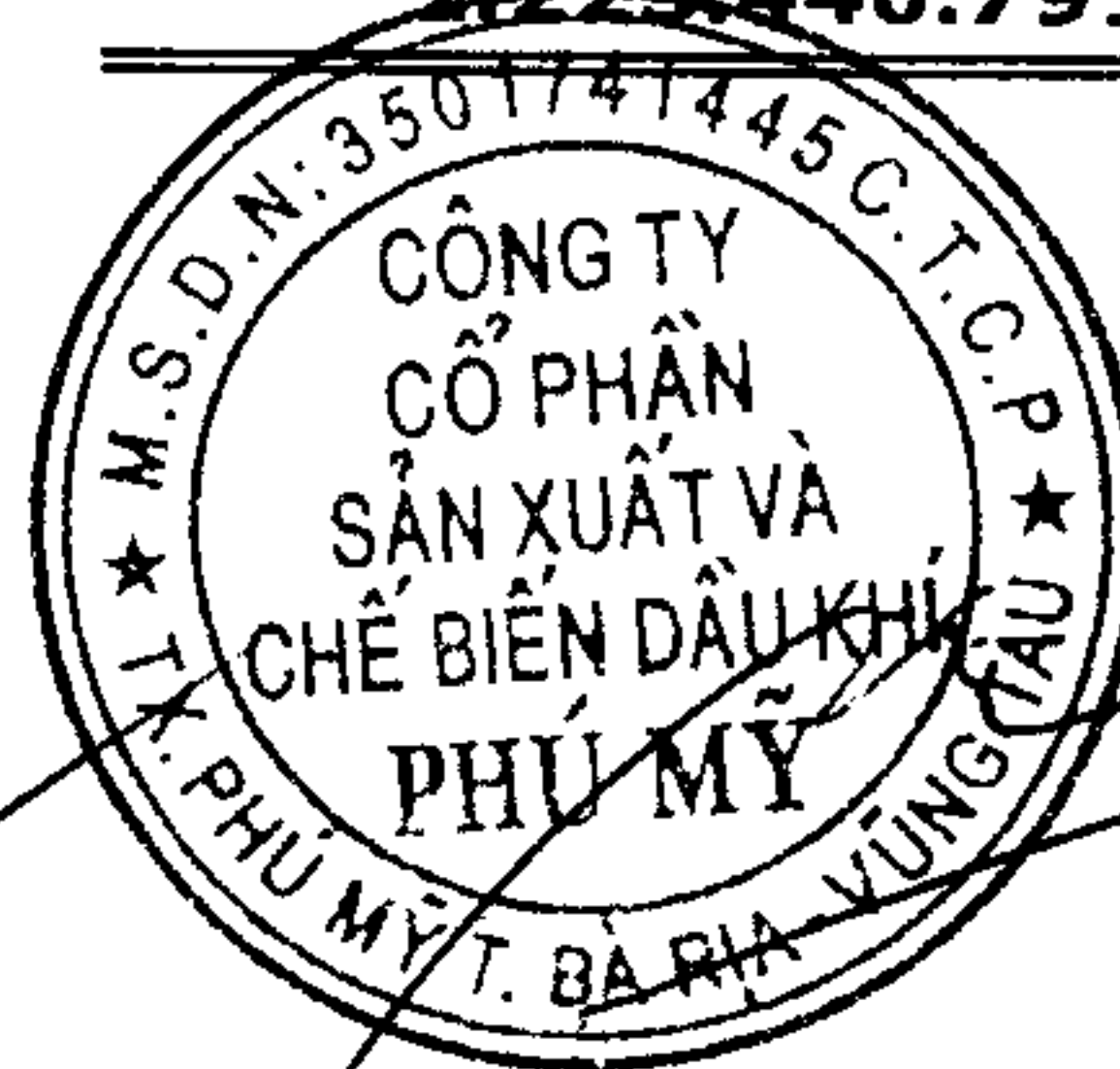
	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.223.440.791	1.740.735.762
	1.223.440.791	1.740.735.762



Lê Văn Phong
Người lập biểu



Lương Trung Kiên
Kế toán trưởng




HỒ GIÁM ĐỐC

Ngày 15 tháng 02 năm 2019